

Số: 1564/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 18 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Thống Nhất

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Trên cơ sở Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Trên cơ sở Văn bản số 5406/UBND-KGVX ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Thống Nhất tại Tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hưởng chính sách hỗ trợ do đại dịch Covid-19 theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 124/TTr-LĐTBXH ngày 15 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Thống Nhất gồm 1.524 đối tượng và tổng kinh phí

hỗ trợ là 1.143.000.000 đồng (một tỷ, một trăm bốn mươi ba triệu đồng chẵn); cụ thể như sau:

1. Đối tượng thuộc hộ nghèo: 653 người, kinh phí hỗ trợ là 489.750.000 đồng.
2. Đối tượng thuộc hộ cận nghèo: 871 người, kinh phí hỗ trợ là 653.250.000 đồng.
3. Kinh phí thực hiện: Sử dụng từ nguồn ngân sách huyện Thống Nhất (50% dự phòng ngân sách huyện năm 2020 và nguồn cải cách tiền lương còn dư ngân sách huyện).

(Danh sách kèm theo Quyết định)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện Thống Nhất chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hợp đồng với Bưu điện cùng cấp chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bưu điện tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thống Nhất và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hòa Hiệp

**DANH SÁCH NGƯỜI THUỘC HỘ NGHÈO HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN
HUYỆN THỐNG NHẤT**

(Kèm theo Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

Mẫu số 1

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/ khẩu/tháng x3 tháng =750.000	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố)
	A	B	1	2	3	4	5
		I. XÃ LỘ 25					
		NGHÈO TỈNH					
1	1	Nguyễn Thị Thu Hằng	7	4		3.000.000	ấp 1
		Nguyễn Thị Thu Hồng			750,000		
		Nguyễn Văn Công			750,000		
		Nguyễn Văn Hiệp			750,000		
		Nguyễn Thị Thu Thảo			750,000		
2	2	Hoàng Thị Hương	4	4	750,000	3.000.000	ấp 2
		Bùi Văn Cương			750,000		
		Bùi Thị Thùy Phương			750,000		
		Bùi Thị Thanh Thảo			750,000		
3	3	Nguyễn Thị Hạnh	4	3	750,000	2.250.000	ấp 3
		Phan Thị Mỹ Duyên			750,000		
		Phan Anh Quốc			750,000		
4	4	Hà Trung Bảo	4	4	750,000	3.000.000	ấp 4
		Hà Anh Tuấn			750,000		
		Hà Quỳnh Anh			750,000		
		Hà Anh Tú			750,000		
5	5	Phùng Văn Bình	8	4	750,000	3.000.000	ấp 5
		Nguyễn Thị Thoa			750,000		
		Phùng Nghiệp Minh			750,000		
		Phùng Nghiệp Hùng			750,000		
6	6	Lê Thị Chính	1	1	750,000	750,000	ấp 1
7	7	Phan Thị Xuyên	2				ấp 1
		Đoàn Dương Minh Ngọc		1	750,000	750,000	
8	8	Phạm Thị Ty	1	1	750,000	750,000	ấp 1
9	9	Trần Thị Úy	1	1	750,000	750,000	ấp 1
10	10	Phạm Thị Lụa	1	1	750,000	750,000	ấp 1
11	11	Vũ Thị Liễu	1	1	750,000	750,000	ấp 1
12	12	Phú Thị Hồng Sen	1	1	750,000	750,000	ấp 2
13	13	Phan Thị Chín	1	1	750,000	750,000	ấp 2
14	14	Nguyễn Quang Vinh	2	2	750,000	1.500.000	ấp 2
		Vũ Thị Trang			750,000		
15	15	Lâm Văn Nghĩa	2	2	750,000	1.500.000	ấp 2
		Huỳnh Thị Xứ			750,000		
16	16	Nguyễn Thị Cúc	1	1	750,000	750,000	ấp 2
17	17	Bùi Thị Hương	1	1	750,000	750,000	ấp 3
18	18	Phạm Ngọc Châu	2	2	750,000	1.500.000	ấp 3
		Lê Thị Hương			750,000		
19	19	Trần Thị Nhất	2				ấp 5
		Trần Trọng Phúc		1	750,000	750,000	
20	20	Trần Văn Thọ	2				
		Trần Thị Nương		1	750,000	750,000	ấp 5
21	21	Hoàng Minh Dũng	1	1	750,000	750,000	ấp 5
22	22	Phạm Thị Sen	1	1	750,000	750,000	ấp 5

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/ khẩu/tháng x3 tháng =750.000	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố)
23	23	Đặng Thị Đượm	3				
		Trần Chúc Lệ		2	750.000	1.500.000	
		Trần Yến Nhi			750.000		
24	24	Điêu Thị Quyền (CH:Lâu A Múi) chết	1		750.000	750.000	ấp 6
			54	42	31.500.000	31.500.000	
		II. XÃ XUÂN THIÊN					
		A. Cận nghèo TW					
25	1	Chủ hộ: Phạm Thị Đương	6	3		2.250.000	ấp Tín Nghĩa
		Huỳnh Đức Cường			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Phạm Thị Hoài Thương			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Phạm Hoàng Vĩnh Nhật			750.000		ấp Tín Nghĩa
26	2	Chủ hộ: Nguyễn Thị Thanh	7	7	750.000	5.250.000	ấp Tín Nghĩa
		Điêu Minh Chung			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Điêu Minh Tài			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Điêu Thị Thủy Tiên			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Điêu Minh Tiến			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Điêu Thị Thanh Tuyền			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Điêu Minh Tấn			750.000		ấp Tín Nghĩa
27	3	Chủ hộ: Văn Thị Mai	5	4		3.000.000	ấp Tín Nghĩa
		Văn Trần Phi Tuyết			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Nguyễn Minh Hiếu			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Nguyễn Ngọc Phương Thảo			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Văn Trần An Hạ			750.000		ấp Tín Nghĩa
28	4	Chủ hộ: Thị Ngộ	5	5	750.000	3.750.000	ấp Xuân Thiên
		Trần Trọng phương			750.000		ấp Xuân Thiên
		Thị Hồng Thẩm			750.000		ấp Xuân Thiên
		Thị Thiên Thương			750.000		ấp Xuân Thiên
		Thị Thảo Nhi			750.000		ấp Xuân Thiên
29	5	Chủ hộ: Ngô Văn Đang	6	5	750.000	3.750.000	ấp Xuân Thiên
		Võ Thị Mật			750.000		ấp Xuân Thiên
		Ngô Trần Đăng Khôi			750.000		ấp Xuân Thiên
		Ngô Trần Đăng Khoa			750.000		ấp Xuân Thiên
		Ngô Trần Đan Quỳnh			750.000		ấp Xuân Thiên
30	6	Chủ hộ: Bùi Thị Kim Re	3	3	750.000	2.250.000	ấp Tín Nghĩa
		Phan Thị Hồng Gấm			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Phan Thị Hồng Nhung			750.000		ấp Tín Nghĩa
31	7	Chủ hộ: Trần Thị Bương	2	1		750.000	ấp Tín Nghĩa
		Trần Hữu Tài			750.000		ấp Tín Nghĩa
32	8	Chủ hộ: Nguyễn Thị Ni	1	1	750.000	750.000	ấp Tín Nghĩa
33	9	Chủ hộ: Lê Thị Đẹp	1	1	750.000	750.000	ấp Tín Nghĩa
34	10	Chủ hộ: Võ Thị Mão	3	2	750.000	1.500.000	ấp Tín Nghĩa
		Trần Đức Đạt			750.000		ấp Tín Nghĩa
35	11	Chủ hộ: Tạ Văn Ký	3	1		750.000	ấp Tín Nghĩa
		Dương Thị Sên			750.000		ấp Tín Nghĩa
36	12	Chủ hộ: Ngô Văn Tốt	2	2	750.000	1.500.000	ấp Tín Nghĩa
		Nguyễn Thị CécilLe			750.000		ấp Tín Nghĩa
37	13	Chủ hộ: Điêu Thị Bé	2	2	750.000	1.500.000	ấp Tín Nghĩa
		Điêu Hoàng			750.000		ấp Tín Nghĩa
38	14	Chủ hộ: Nguyễn Thị Y	2	1	750.000	750.000	ấp Tín Nghĩa
39	15	Chủ hộ: Phạm Quốc Chính	1	1	750.000	750.000	ấp Tín Nghĩa
40	16	Chủ hộ: Mai Tấn Sĩ	3	1	750.000	750.000	ấp Tín Nghĩa
41	17	Chủ hộ: Lâm Thị Quyên	1	1	750.000	750.000	ấp Xuân Thiên
42	18	Chủ hộ: Lý Thị Bé	1	1	750.000	750.000	ấp Xuân Thiên
43	19	Chủ hộ: Thị Hoàng	1	1	750.000	750.000	ấp Xuân Thiên
44	20	Chủ hộ: Thổ Chỉ	2	2	750.000	1.500.000	ấp Xuân Thiên

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/ khẩu/tháng x3 tháng =750.000	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố)
		Thị Xâm			750.000		ấp Xuân Thiện
45	21	Chủ hộ: Tăng Bích Ngọc	2	2	750.000	1.500.000	ấp Xuân Thiện
		Trần Thị Hường			750.000		ấp Xuân Thiện
46	22	Chủ hộ: Điều Thị Sinh	1	1	750.000	750.000	ấp Xuân Thiện
47	23	Chủ hộ: Điều Còn	2	1	750.000	750.000	ấp Xuân Thiện
48	24	Chủ hộ: Thổ Hùng	2	2	750.000	1.500.000	ấp Xuân Thiện
		Nguyễn Thị Lót			750.000		ấp Xuân Thiện
49	25	Chủ hộ: Nguyễn Bá Hộ	2	2	750.000	1.500.000	ấp Xuân Thiện
		Dương Thị Huệ			750.000		ấp Xuân Thiện
50	26	Chủ hộ: Thị Xim	1	1	750.000	750.000	ấp Xuân Thiện
51	27	Chủ hộ: Nguyễn Thị Ngọc Dung	1	1	750.000	750.000	ấp Xuân Thiện
52	28	Chủ hộ: Phạm Thị Yển	2	2	750.000	1.500.000	ấp Xuân Thiện
		Phạm Thị Mộng Diệp			750.000		ấp Xuân Thiện
53	29	Chủ hộ: Thổ Diệu	2	1	750.000	750.000	ấp Xuân Thiện
54	30	Chủ hộ: Thị Lạng	1	1	750.000	750.000	ấp Xuân Thiện
55	31	Chủ hộ: Thổ Dũng	1	1	750.000	750.000	ấp Xuân Thiện
56	32	Chủ hộ: Nguyễn Tường Hiệp	2	2	750.000	1.500.000	ấp Xuân Thiện
		Văn Thị Nguyệt Anh			750.000		ấp Xuân Thiện
57	33	Chủ hộ: Mai Thị Tiến	1	1	750.000	750.000	ấp Xuân Thiện
			77	63	47.250.000	47.250.000	
		B. Hộ nghèo tỉnh					
58	1	Chủ hộ: Nguyễn Văn Việt	3	2		1.500.000	ấp Tín Nghĩa
		Trương Thị Nga			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Nguyễn Trương Nhật Huy			750.000		ấp Tín Nghĩa
			3	2	1.500.000	1.500.000	
		III. XÃ QUANG TRUNG					
		A. CẬN NGHÈO TW					
59	1	Lê Thị Ngát	7	6		4.500.000	D2/061B Tổ 19 Nguyễn Huệ 2
		Phan Thị Ngọc Trâm			750.000		D2/061B Tổ 19 Nguyễn Huệ 2
		Phan Thanh Kiên			750.000		D2/061B Tổ 19 Nguyễn Huệ 2
		Lê Thị Phương Uyên			750.000		D2/061B Tổ 19 Nguyễn Huệ 2
		Lê Thị Phương Linh			750.000		D2/061B Tổ 19 Nguyễn Huệ 2
		Lê Thị Phương Vi			750.000		D2/061B Tổ 19 Nguyễn Huệ 2
		Lê Thị Phương Gia			750.000		D2/061B Tổ 19 Nguyễn Huệ 2
60	2	Vũ Duy Thanh	4	3	750.000	2.250.000	Tổ 3 ấp Lê Lợi 2
		Vũ Tuấn Kiệt			750.000		Tổ 3 ấp Lê Lợi 2
		Vũ Hồng Ân			750.000		Tổ 3 ấp Lê Lợi 2
61	3	Trần Thị Thanh Hoa	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 6 Lê Lợi 2
		Lê Hồng Trúc			750.000		Tổ 6 Lê Lợi 2
		Lê Ngọc Hằng			750.000		Tổ 6 Lê Lợi 2
		Lê Trung Hiếu			750.000		Tổ 6 Lê Lợi 2
62	4	Trần Thị Thu Thảo	6	6	750.000	4.500.000	Tổ 4 ấp Nam Sơn
		Trần Thị Tuyết Dâng			750.000		Tổ 4 ấp Nam Sơn
		Trần Thế Bảo			750.000		Tổ 4 ấp Nam Sơn
		Trần Thùy Trâm			750.000		Tổ 4 ấp Nam Sơn
		Trần Thiên Bảo Quốc			750.000		Tổ 4 ấp Nam Sơn
		Trần Đức Tiến			750.000		Tổ 4 ấp Nam Sơn
63	5	Nguyễn Thị Hạnh	5	4		3.000.000	Tổ 16 ấp Bắc Sơn
		Phạm Hữu Lộc			750.000		Tổ 16 ấp Bắc Sơn
		Phạm Minh Luân			750.000		Tổ 16 ấp Bắc Sơn
		Phạm Hoàng Linh			750.000		Tổ 16 ấp Bắc Sơn
		Phạm Hoàng Liêm			750.000		Tổ 16 ấp Bắc Sơn
64	6	Vì Văn Cắc	6	6	750.000	4.500.000	Tổ 7 Lạc Sơn
		Nguyễn Thị Sáng			750.000		Tổ 7 Lạc Sơn
		Vì Anh Dũng			750.000		Tổ 7 Lạc Sơn

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/ khẩu/tháng x3 tháng =750.000	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố)
		Vi Thị Hồng Dúng			750.000		Tổ 7 Lạc Sơn
		Đỗ Vi Thanh Nguyệt			750.000		Tổ 7 Lạc Sơn
		Đỗ Vi Hoài Nguyên			750.000		Tổ 7 Lạc Sơn
65	7	Trần Thị Sâm	1	1	750.000	750.000	Tổ 7 ấp Nam Sơn
66	8	Phạm Thị Khen	2	1	750.000	750.000	ấp Nam Sơn
67	9	Nguyễn Thị Lan	2	1	750.000	750.000	Tổ 2 ấp Lê Lợi 2
68	10	Nguyễn Thị Thu	3	2		1.500.000	Tổ 7 ấp Lê Lợi 2
		Lê Văn Hoàng			750.000		Tổ 7 ấp Lê Lợi 2
		Lê Khánh Ly			750.000		Tổ 7 ấp Lê Lợi 2
69	11	Vũ Thị Xuyên	1	1	750.000	750.000	Lê Lợi 2
70	12	Trương Văn Hiến	2	1		750.000	C3/067 Tổ 7 Nguyễn Huệ 1
		Đào Thị Lay			750.000		C3/067 Tổ 7 Nguyễn Huệ 1
71	13	Lê Thị Cam	1	1	750.000	750.000	Q5/154 Tổ 12 Nguyễn Huệ 1
72	14	Vũ Văn Trung	2	2	750.000	1.500.000	C2/049 Tổ 6 Nguyễn Huệ 1
		Nguyễn Thị Đăm			750.000		C2/049 Tổ 6 Nguyễn Huệ 1
73	15	Nguyễn Thị Nở	2	1		750.000	C1/018- Tổ 5 Nguyễn Huệ 1
		Nguyễn Thị Út			750.000		C1/018- Tổ 5 Nguyễn Huệ 1
74	16	Trần Đức Thịnh	3	1	750.000	750.000	C2/044 Tổ 6 Nguyễn Huệ 1
75	17	Nguyễn Thị Tâm	4	3		2.250.000	Nguyễn Huệ 1
		Phan Thị Thủy Trâm			750.000		Nguyễn Huệ 1
		Phan Đình Triệu			750.000		Nguyễn Huệ 1
		Phan Triều Thiên			750.000		Nguyễn Huệ 1
76	18	Nguyễn Thị Tý	1	1	750.000	750.000	Tổ 8 ấp Lạc Sơn
77	19	Trần Thị Tâm	1	1	750.000	750.000	Tổ 8 ấp Lạc Sơn
78	20	Phạm Thái Sơn	2	2	750.000	1.500.000	ấp Lạc Sơn
		Nguyễn Thị Năm			750.000		ấp Lạc Sơn
79	21	Trần Thiện Khiêm	1	1	750.000	750.000	Tổ 3 ấp Lạc Sơn
80	22	Diệp Thị Kim Hoa	1	1	750.000	750.000	Tổ 7 ấp Lạc Sơn
81	23	Trần Thị Huệ	1	1	750.000	750.000	Tổ 7 ấp Lạc Sơn
82	24	Trần Nam	2	1		750.000	Tổ 14 ấp Nguyễn Huệ 2
		Nguyễn Thị Thanh			750.000		Tổ 14 ấp Nguyễn Huệ 2
83	25	Kiều Thị Năm	1	1	750.000	750.000	F/032 tổ 5 Nguyễn Huệ 2
84	26	Nguyễn Nam	4	1		750.000	P3/058 tổ 11 Nguyễn Huệ 2
		Nguyễn Thị Hương			750.000		P3/058 tổ 11 Nguyễn Huệ 2
85	27	Phạm Thị Khem	1	1	750.000	750.000	Tổ 14 Nguyễn Huệ 2
86	28	Nguyễn Hồng Liên	1	1	750.000	750.000	8A3 Nguyễn Huệ 2
87	29	Trần Thị Liễu	1	1	750.000	750.000	Bắc Sơn
88	30	Đặng Quang Sỹ	1	1	750.000	750.000	Tổ 16 ấp Bắc Sơn
89	31	Trần Thị Vóc	1	1	750.000	750.000	Tổ 11 ấp Bắc Sơn
90	32	Lê Thị Thục	2	1		750.000	Tổ 12 ấp Bắc Sơn
		Phạm Thị Thủy Trang			750.000		Tổ 12 ấp Bắc Sơn
			76	60	45.000.000	45.000.000	
		B. NGHÈO TỈNH					
91	1	Nguyễn Văn Luyện	7	6		4.500.000	D1/013 tổ 7 Nguyễn Huệ 2
		Vũ Thị Thanh			750.000		D1/013 tổ 7 Nguyễn Huệ 2
		Nguyễn Thành Đăng			750.000		D1/013 tổ 7 Nguyễn Huệ 2
		Nguyễn Thị Thu Thủy			750.000		D1/013 tổ 7 Nguyễn Huệ 2
		Nguyễn Tuyết Nhung			750.000		D1/013 tổ 7 Nguyễn Huệ 2
		Nguyễn Đức Thắng			750.000		D1/013 tổ 7 Nguyễn Huệ 2
		Nguyễn Thị Nhân			750.000		D1/013 tổ 7 Nguyễn Huệ 2
92	2	Lê Thị Sáng	5	5	750.000	3.750.000	Nam Sơn
		Vũ Thị Vân			750.000		Nam Sơn
		Lê Vũ Thủy Trang			750.000		Nam Sơn
		Lê Vũ Thành Đạt			750.000		Nam Sơn
		Lê Vũ Kiều Trinh			750.000		Nam Sơn

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/ khẩu/tháng x3 tháng =750.000	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố)
93	3	Phạm Thị Ánh Tuyết	6				C4/141, Bắc Sơn
		Hoàng Ngọc Ánh		5	750.000	3.750.000	C4/141, Bắc Sơn
		Hoàng Trung Hiếu			750.000		C4/141, Bắc Sơn
		Hoàng Ngọc Linh			750.000		C4/141, Bắc Sơn
		Hoàng Đông Nhi			750.000		C4/141, Bắc Sơn
		Hoàng Như Phụng			750.000		C4/141, Bắc Sơn
			18	16	12.000.000	12.000.000	
		IV. THỊ TRẤN DẦU GIÂY					
		CẬN NGHÈO TW					
94	1	Nguyễn Thị Thê	2	2	750.000	1.500.000	Khu phố Lập Thành
		Nguyễn Ngọc Đăng Duy			750.000	0	
95	2	Trương Thị Dung	2	2	750.000	1.500.000	Khu phố Lập Thành
		Nguyễn Trương Hiếu Thảo			750.000	0	
96	3	Nguyễn Thị Kim Nga	6	6	750.000	4.500.000	Khu phố Lập Thành
		Nguyễn Khoa Nghĩa			750.000	0	
		Nguyễn Khoa Kim Ngân			750.000	0	
		Nguyễn Khoa Kim Ngọc			750.000	0	
		Nguyễn Khoa Kim Nhi			750.000	0	
		Nguyễn Minh Nhật			750.000	0	
97	4	Dương Thị Chín	4	4	750.000	3.000.000	Khu phố Trần Hưng Đạo
		Nguyễn Đức Phú			750.000	0	
		Nguyễn Đức Quý			750.000	0	
		Nguyễn Đức Lộc			750.000	0	
98	5	Lê Thị Tú Trinh	4	4	750.000	3.000.000	Khu phố Trần Hưng Đạo
		Lê Thị Tuyết Ngân			750.000	0	
		Lê Trường Vũ			750.000	0	
		Lê Ngọc Anh Tú			750.000	0	
99	6	Đào Thị Rạng	3	3	750.000	2.250.000	Khu phố Phan Bội Châu
		Lâm Thanh Tùng			750.000	0	
		Lâm Thanh Nhật			750.000	0	
100	7	Nguyễn Thị Tịnh	5	5	750.000	3.750.000	Khu phố Phan Bội Châu
		Trần Văn Hoàng			750.000	0	
		Trần Thị Như Quỳnh			750.000	0	
		Trần Công Thạch			750.000	0	
		Trần Công Duy An			750.000	0	
101	8	Nguyễn Thị Ngọc Quý	4	4	750.000	3.000.000	Khu phố Phan Bội Châu
		Nguyễn Thiên Ân			750.000	0	
		Nguyễn Tuấn Thái Hòa			750.000	0	
		Nguyễn Thị Thảo Nhi			750.000	0	
102	9	Lê Văn An	5	5	750.000	3.750.000	Khu phố Phan Bội Châu
		Nguyễn Thị Liễu			750.000	0	
		Lê Minh Quân			750.000	0	
		Lê Minh Thuận			750.000	0	
		Nguyễn Thị Xứng			750.000	0	
103	10	Trần Văn Minh	4	3	750.000	2.250.000	Khu phố Trần Cao Văn
		Trần Văn Mạnh			750.000	0	
		Trần Lê Thanh Tuyền			750.000	0	
104	11	Phan Thị Trang Anh	4	4	750.000	3.000.000	Khu phố Trần Cao Văn
		Huỳnh Thị Anh Thư			750.000	0	
		Huỳnh Anh Tuấn			750.000	0	
		Huỳnh Trang Anh Trúc			750.000	0	
105	12	Nguyễn Thị Hoa	6	6	750.000	4.500.000	Khu phố Trần Cao Văn
		Trần Thị Ngân Hà			750.000	0	
		Trần Nữ Hoàng Anh			750.000	0	
		Trần Nam Thiên Phú			750.000	0	

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/ khẩu/tháng x3 tháng =750.000	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố)
		Trần Nữ Trúc Anh			750.000	0	
		Trần Nam Vạn Quý			750.000	0	
106	13	Nguyễn Thị Yến Nhi	4	4	750.000	3.000.000	Khu phố Trần Cao Văn
		Nguyễn Lê Ngọc Giàu			750.000	0	
		Lê Ngọc Nhi Hân			750.000	0	
		Lê Phước Mạnh			750.000	0	
107	14	Nguyễn Văn Hùng	5	5	750.000	3.750.000	Khu phố Trần Cao Văn
		Hà Thị Ngọc Hương			750.000	0	
		Nguyễn Đại Dương			750.000	0	
		Nguyễn Duy Tân			750.000	0	
		Nguyễn Tuấn Tú			750.000	0	
108	15	Phùng Trọng Diệp	3	3	750.000	2.250.000	Khu phố Trần Cao Văn
		Phùng Ánh Như			750.000	0	
		Phùng Trọng Duân			750.000	0	
109	16	Hà Cẩm	3	3	750.000	2.250.000	Khu phố Trần Cao Văn
		Vân Thị Năm			750.000	0	
		Hà Thị Uyên Nhi			750.000	0	
110	17	Nguyễn Hữu Doãn	2	2	750.000	1.500.000	Khu phố Trần Cao Văn
		Lê Thị Hào			750.000	0	
111	18	Hoàng Thị Kim	1	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
112	19	Lâm Thị Liêng	1	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
113	20	Trần Thị Danh	2	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
114	21	Nguyễn Thị Thành	1	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
115	22	Nguyễn Thị Hoa	1	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
116	23	Nguyễn Thị Vương	2	1		0	
		Lê Thị Chiến			750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
117	24	Nguyễn Thị Hiền	1	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
118	25	Lê Thị Chấn	1	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
119	26	Nguyễn Thị Danh	2	1		0	
		Nguyễn Trương Phong Nhã			750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
120	27	Nguyễn Thị Ngôn	2	2	750.000	1.500.000	Khu phố Trần Cao Văn
		Nguyễn Thị Nhứt			750.000	0	
121	28	Lê Thị Thảo	1	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
122	29	Nguyễn Thị Huyền	4	4	750.000	3.000.000	Khu phố Trần Cao Văn
		Nguyễn Thành Long			750.000	0	
		Nguyễn Thành Linh			750.000	0	
		Nguyễn Thành Côi			750.000	0	
123	30	Nguyễn Thị Ánh	4	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
124	31	Nguyễn Thị Lịch	1	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
125	32	Trần Thị Hiền	1	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
126	33	Trần Thị Dàn	1	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
127	34	Phạm Thị Quyên	1	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
128	35	Nguyễn Thị Luận	2	1		0	
		Nguyễn Thị Vân			750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
129	36	Võ Văn Nguyên	2	1		0	
		Võ Thị Dóa			750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
130	37	Nguyễn Văn Mỹ	2	2	750.000	1.500.000	Khu phố Trần Cao Văn
		Liêu Thủy			750.000	0	
131	38	Nguyễn Thị Bé	1	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
132	39	Đoàn Thị Sáu	2	2	750.000	1.500.000	Khu phố Trần Cao Văn
		Lê Thị Tuyết			750.000	0	
133	40	Trần Thị Thôn	1	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
134	41	Nguyễn Thị Lành	1	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
135	42	Hồ Thị Quyên	2	1		0	
		Nguyễn Thị Thung			750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/ khẩu/tháng x3 tháng =750.000	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố)
136	43	Lê Thị Diễm	1	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Vân
137	44	Nguyễn Thanh Hải	1	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Vân
138	45	Lê Thị Chuyên	1	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Vân
139	46	Lê Thị Kiêm Liêng	2	1		0	
		Đinh Tiến Việt Anh			750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Vân
140	47	Lê Văn Huệ	1	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Vân
			112	101	75.750.000	75.750.000	
		V. XÃ BÀU HẠM 2					
		A. Cận TW					
141	1	Trần Thị Xuân	1	1	750.000	750.000	Tổ 4 Ngô Quyền
142	2	Đinh Thị Long	2		0	0	Tổ 14, Ngô Quyền
		Hứa Văn Sơn		1	750.000	750.000	
143	3	Nguyễn Thị Thùy Ly	2	2	750.000	1.500.000	Tổ 16 Ngô Quyền
		Nguyễn Quốc Gia Huy			750.000	0	
144	4	Tôn tấn Phát	1	1	750.000	750.000	Tổ 17, Ngô Quyền
145	5	Đào Thị Chỉ	1	1	750.000	750.000	Tổ 17, Ngô Quyền
146	6	Nguyễn Huynh	9		0	0	Tổ 19, Ngô Quyền
		Nguyễn Thị Nghiệp		5	750.000	3.750.000	
		Nguyễn Thị Kim Chi			750.000	0	
		Nguyễn Công Hậu			750.000	0	
		Nguyễn Thị Kim Yến			750.000	0	
		Nguyễn Thị Kim Nhung			750.000	0	
147	7	Võ Thị Minh Phụng	2	2	750.000	1.500.000	Tổ 19, Ngô Quyền
		Võ Văn Phúc			750.000	0	
148	8	Huỳnh Thị Diệp	1	1	750.000	750.000	Tổ 1 ấp Lê Lợi
149	9	Nguyễn Ánh	2	2	750.000	1.500.000	Tổ 6 ấp Lê Lợi
		Võ Thị Phụng			750.000	0	
150	10	Nguyễn Văn Vang	5		0	0	Tổ 1 ấp Lê Lợi
		Nguyễn Văn Hoàng Tiến		1	750.000	750.000	Tổ 1 ấp Lê Lợi
151	11	Đặng Thảo	2		0	0	Tổ 1 ấp Lê Lợi
		Nguyễn Thị Rộng		1	750.000	750.000	
			28	18	13.500.000	13.500.000	
		B. NGHÈO TỈNH					
152	1	Ân Tiến Cường	4		0	0	Tổ 9, Nguyễn Thái Học
		Trần Thị Xuân Hằng		3	750.000	2.250.000	
		Ân Thị Hằng Nga			750.000	0	
		Ân Minh Thư			750.000	0	
153	2	Nguyễn Thị Kim Lánh	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 4, Ngô Quyền
		Hoàng Văn Dũng			750.000	0	
		Hoàng Thị Tuyết Nhung			750.000	0	
		Hoàng Thị Thủy Nga			750.000	0	
154	3	Trần Đình Khánh	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 7, Ngô Quyền
		Nguyễn Thị Xuân			750.000	0	
		Trần Đình Khánh Hưng			750.000	0	
		Nguyễn Thu Nhi			750.000	0	
155	4	Hứa Thị Uyên Trang	4		0	0	Tổ 8 Ngô Quyền
		Hoàng Xuân Hòa		3	750.000	2.250.000	
		Hoàng Thị Thu Hoài			750.000	0	
		Hoàng Thanh Phương			750.000	0	
156	5	Hoàng Thị Phụng	5	5	750.000	3.750.000	Tổ 9 Ngô Quyền
		Linh Thị Thủy Nga			750.000	0	
		Linh Thị Thủy Kiều			750.000	0	
		Trần Linh Thủy Hằng			750.000	0	
		Linh Quốc Phong			750.000	0	
157	6	Phạm Thị Nhã Uyên	3		0	0	Tổ 16 ấp Ngô Quyền

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/ khẩu/tháng x3 tháng =750.000	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố)
		Phạm Minh Đăng		2	750.000	1.500.000	
		Phạm Hoài Trang			750.000	0	
158	7	Trần Ngọc Thu	3		0	0	Tổ 19, Ngõ Quyền
		Hồ Thị Ngọc Thu Trinh		2	750.000	1.500.000	
		Hồ Văn Nhân			750.000	0	
159	8	Nguyễn Thị Minh Thy	4		0	0	Tổ 7 Lê Lợi
		Nguyễn Đăng Thành Nhân		3	750.000	2.250.000	
		Nguyễn Thùy Trang			750.000	0	
		Nguyễn Huyền Trang			750.000	0	
160	9	Nguyễn Thế Hiến	5	5	750.000	3.750.000	C2/058, Lê Lợi
		Nguyễn Thị Thúy Vi			750.000	0	
		Nguyễn Ngọc Quỳnh Như			750.000	0	
		Nguyễn Thế Gia Huy			750.000	0	
		Nguyễn Thị Kinh			750.000	0	
161	10	Phan Thị Phương	3	3	750.000	2.250.000	Tổ 18, Lê lợi
		Trà Thị Mộng Nhi			750.000	0	
		Trà Văn Dàng			750.000	0	
			39	34	25.500.000	25.500.000	
		VI. XÃ GIA KIỂM					
		Cận Nghèo TW					
162	1	Chủ hộ: Đoàn Viết Cầu	2	1	750.000	750.000	67/3E Võ Đông 1
163	2	Chủ hộ: Nguyễn Thị Ngoan	2	1	750.000	750.000	37/3E Võ Đông 1
164	3	Chủ hộ: Đinh Thị Phương	1	1	750.000	750.000	Đội 4 Võ Đông 1
165	4	Chủ hộ: Nguyễn Thị Nhung	2	2	750.000	1.500.000	86/1G Võ Đông 2
		Phan Văn Hân			750.000		86/1G Võ Đông 2
166	5	Chủ hộ: Phạm Thị Cài	1	1	750.000	750.000	35/1G Võ Đông 2
167	6	Chủ hộ: Lê Văn Nghĩa	3	2		1.500.000	17/2G Võ Đông 2
		Lê Thị Ngươi			750.000		17/2G Võ Đông 2
		Lê Thị Hương			750.000		17/2G Võ Đông 3
168	7	Đoàn Thị Là	1	1	750.000	750.000	47/1G Võ Đông 2
169	8	Nguyễn Văn Thành	1	1	750.000	750.000	9/4G ấp Võ Đông 2
170	9	Nguyễn Thị Mến	3	2		1.500.000	12/2G ấp Võ Đông 2
		Nguyễn Thị Tuổi			750.000		12/2G ấp Võ Đông 2
		Nguyễn Thị Cậy			750.000		12/2G ấp Võ Đông 3
171	10	Đinh Viết Hương	3	2	750.000	1.500.000	31/4H Võ Đông 3
		Phạm Thị Ngoan			750.000		31/4H Võ Đông 3
172	11	Đỗ Văn Khai	1	1	750.000	750.000	54/1H Võ Đông 3
173	12	Nguyễn Văn Hóa	2	2	750.000	1.500.000	97/4H Võ Đông 3
		Đinh Thị Mỹ			750.000		97/4H Võ Đông 3
174	13	Nguyễn Hoàng Anh	2	1	750.000	750.000	Đội 4 Ấp Võ Đông 3
175	14	Nguyễn Thị Mừng	3	1		750.000	53/2D Tây Nam
		Nguyễn Quang Hoàng			750.000		53/2D Tây Nam
176	15	Trần Văn Có	2	2	750.000	1.500.000	90/3D Tây Nam
		Giáp Thị Ngai			750.000		90/3D Tây Nam
177	16	Nguyễn Thị Đào	2	1		750.000	27/3D Tây Nam
		Nguyễn Thị Mơ			750.000		27/3D Tây Nam
178	17	Trần Văn Vinh	1	1	750.000	750.000	90/2D Tây Nam
179	18	Nguyễn Thị Loan	2	1	750.000	750.000	7/4D Tây Nam
180	19	Nguyễn Tâm	4	2	750.000	1.500.000	89/2D Tây Nam
		Nguyễn Thị The			750.000		89/2D Tây Nam
181	20	Nguyễn Văn Ninh	3	3	750.000	2.250.000	88/2D Tây Nam
		Nguyễn Thị Sen			750.000		88/2D Tây Nam
		Nguyễn Thị Nga			750.000		88/2D Tây Nam
182	21	Lê Thị Liễu	2	1	750.000	750.000	75/4D Tây Nam
183	22	Nguyễn Thị Mai	1	1	750.000	750.000	52/3D Tây Nam

TT hộ toàn huyện	TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/ khẩu/tháng x3 tháng =750.000	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố)
184	23	Nguyễn Thị Nhuận	4	2		1.500.000	100/4B ấp Tây Kim
		Trịnh Văn Thành			750.000		100/4B ấp Tây Kim
		Trịnh Thị Thủy Oanh			750.000		100/4B ấp Tây Kim
185	24	Trần Thị Kim Vân	1	1	750.000	750.000	Đội 4 ấp Tây Kim
186	25	Chu Thị Mai	1	1	750.000	750.000	3/2B ấp Tây Kim
187	26	Nguyễn Văn Xứng	2	2	750.000	1.500.000	Đội 3 Đông Kim
		Đinh Thị Nhiệm			750.000		Đội 3 Đông Kim
188	27	Nguyễn Thị Lan	1	1	750.000	750.000	Đội 1 Đông Kim
189	28	Phạm Thị Nụ	2	1		750.000	Đội 2 Đông Kim
		Phạm Thị Hiền			750.000		Đội 2 Đông Kim
190	29	Nguyễn Thị Bé	3	2		1.500.000	Đội 4 Ấp Đông Kim
		Vũ Văn Cư			750.000		Đội 4 Ấp Đông Kim
		Vũ Thị Tám			750.000		Đội 4 Ấp Đông Kim
191	30	Phạm Thị Lan	2	1	750.000	750.000	Đội 3 Ấp Đông Kim
192	31	Nguyễn Thị Quế	2	1	750.000	750.000	71/4C Đông Bắc
193	32	Đinh Thị Kim Ánh	5	5	750.000	3.750.000	20/4E ấp Vô Đông 1
		Nguyễn Tiến Đạt			750.000		20/4E ấp Vô Đông 1
		Nguyễn Ngọc Uyên Phương			750.000		20/4E ấp Vô Đông 1
		Nguyễn Ngọc Uyên Trinh			750.000		20/4E ấp Vô Đông 1
		Nguyễn Minh Khôi			750.000		20/4E ấp Vô Đông 1
194	33	Trần Thị Soi	3	1	750.000	750.000	Đội 4 Ấp Đông Kim
195	34	Nguyễn Thị Kim Loan	4	2	750.000	1.500.000	Đội 4 Ấp Đông Kim
		Nguyễn Ngọc Ngân			750.000		Đội 4 Ấp Đông Kim
196	35	Trần Thị Nguyệt	5	4	750.000	3.000.000	155/4B ấp Tây Kim
		Phan Đức Hiệp			750.000		155/4B ấp Tây Kim
		Vũ Thị Thanh Vân			750.000		155/4B ấp Tây Kim
		Phan Vũ Minh Hoàng			750.000		155/4B ấp Tây Kim
197	36	Trần Quốc Tuấn	3	3	750.000	2.250.000	72/4D, Ấp Tây Nam
		Trần Thị Mến			750.000		72/4D, Ấp Tây Nam
		Trần Đại Nghĩa			750.000		72/4D, Ấp Tây Nam
198	37	Nguyễn Văn Được	4	3	750.000	2.250.000	34/2C Đông Bắc
		Nguyễn Hồng Hạnh			750.000		34/2C Đông Bắc
		Nguyễn Ngọc Hà			750.000		34/2C Đông Bắc
		Tổng cộng	86	61	45.750.000	45.750.000	
		VII. XÃ GIA TÂN 2					
		Cận nghèo TW					
199	1	Phạm Thị Hiền	1	1	750.000	750.000	Ấp Đức Long 1
200	2	Trần Thị Ly	2	1		750.000	Ấp Đức Long 1
		Vũ Thị Loan			750.000		
201	3	Bùi Thị Minh Cảnh	4	2	750.000	1.500.000	Ấp Đức Long 1
		Bùi Hà Minh Trí			750.000		
202	4	Trần Thị Diễm	1	1	750.000	750.000	Ấp Đức Long 1
203	5	Cù Thị Thơ	1	1	750.000	750.000	Ấp Đức Long 2
204	6	Nguyễn Thị Bình	2	1	750.000	750.000	Ấp Đức Long 2
205	7	Đào Thị Hoa	2	1	750.000	750.000	Ấp Đức Long 3
206	8	Trần Thị Rượu	1	1	750.000	750.000	Ấp Đức Long 3
207	9	Nguyễn Văn Sự	2	1		750.000	Ấp Đức Long 3
		Đỗ Thị Chén			750.000		
208	10	Lương Thị Ngọc Nhung	2	2	750.000	1.500.000	Ấp Đức Long 3
		Trần Đình Triệu			750.000		
209	11	Phạm Thị Nguyệt	1	1	750.000	750.000	Ấp Đức Long 3
210	12	Nguyễn Thị Hương	1	1	750.000	750.000	Ấp Bạch Lâm 1
211	13	Lê Thị Tốt	2	2	750.000	1.500.000	Ấp Bạch Lâm 1
		Lê Thị Tươi			750.000		
212	14	Phạm Văn Báu	2	1		750.000	Ấp Bạch Lâm 1

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/ khẩu/tháng x3 tháng =750.000	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố)
		Phạm Dương Bảo			750.000	750.000	
213	15	Vũ Văn Sinh	3	1		750'000	Ấp Bạch Lâm 1
		Vũ Thị Kim Hoàng			750.000		
214	16	Đào Xuân Thủy	2	2	750.000	1.500.000	Ấp Bạch Lâm 1
		Đinh Thị Xuân			750.000		
215	17	Lai Thị Hoa	2	1	750.000	750.000	Ấp Bạch Lâm 1
216	18	Nguyễn Thị Hiền	1	1	750.000	750.500	Ấp Bạch Lâm 1
217	19	Nguyễn Thị Tuất	5	2			Ấp Bạch Lâm 1
		Nguyễn Thị Dậu			750.000	1.500.000	
		Nguyễn Thị Tuyết Gấm			750.000		
218	20	Phạm Thị Thơm	2	1		750.000	Ấp Bạch Lâm 1
		Phạm Thị Thơ			750.000		
219	21	Trần Viên	2	2	750.000	1.500.000	Ấp Bạch Lâm 2
		Trần Thị Cây			750.000		
220	22	Nguyễn Thị Kim Hoa	1	1	750.000	750.000	Ấp Bạch Lâm 2
221	23	Phạm Thị Yểng	2	2	750.000	1.500.000	Ấp Bạch Lâm 2
		Phạm Đình Quyền			750.000		
222	24	Vũ Mậu	2	2	750.000	1.500.000	Ấp Bạch Lâm 2
		Nguyễn Thị Hồng			750.000		
223	25	Nguyễn Văn Quát	4	4	750.000	3.000.000	Ấp Đức Long 1
		Trần Thị Tèo			750.000		
		Nguyễn Văn Hưng			750.000		
		Nguyễn Tuấn Hải			750.000		
224	26	Nguyễn Văn Long	4	3	750.000	2.250.000	Ấp Đức Long 2
		Nguyễn Thị Lệ Thủy			750.000		
		Nguyễn Minh Thông			750.000		
225	27	Nguyễn Văn Hoạt	8	7	750.000	5.250.000	Ấp Đức Long 3
		Trần Thị Tuyết Nga			750.000		
		Nguyễn Minh Nhật			750.000		
		Nguyễn Thị Kim Anh			750.000		
		Nguyễn Thị Kim Liễu			750.000		
		Đoàn Nguyễn Minh Thiện			750.000		
		Đoàn Nguyễn Minh Thiện			750.000		
226	28	Nguyễn Văn Hòa	9	9	750.000	6.750.000	Ấp Bạch Lâm 1
		Nguyễn Thị Bích Dâng			750.000		
		Nguyễn Văn Hợp			750.000		
		Nguyễn Thị Bích Ngọc			750.000		
		Nguyễn Ngọc Thao Vy			750.000		
		Nguyễn Quang Thắng			750.000		
		Nguyễn Ngọc Huyền Diệu			750.000		
		Nguyễn Hoàng An			750.000		
		Nguyễn Anh Đức			750.000		
227	29	Nguyễn Thị Kiêm	7	4		3.000.000	Ấp Bạch Lâm 2
		Nguyễn Thị Lan			750.000		
		Nguyễn Vũ Khánh			750.000		
		Nguyễn Văn Trung			750.000		
		Nguyễn Hồng Luân			750.000		
			88	59	44.250.000	44.250.000	
		VIII. XÃ HƯNG LỘC					
		Cận TW					
228	1	Chủ hộ: Ngao Văn Hòa	4	4	750,000	3.000,000	Hung Nghĩa
		Ngao Văn Thuận			750,000		
		Ngao Văn Thương			750,000		
		Ngao Thị Bích Châu			750,000		
229	2	Chủ hộ: Phạm Thị Lan	3	1		750,000	Hung Nghĩa

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/ khẩu/tháng x3 tháng =750.000	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố)
230	3	Chủ hộ : Đỗ Thị Xuân Hiệp	5	5	750,000	3.750,000	Hưng Nghĩa
		Trương Văn Ngọc			750,000		
		Trương Quang Huy			750,000		
		Trương Quang Vinh			750,000		
		Trương Đỗ Ngọc Nữ			750,000		
231	4	Chủ hộ: Võ Tấn Thông	4	4	750,000	3.000,000	Hưng Thạnh
		Tăng A Mùi			750,000		
		Võ Hoài Nam			750,000		
		Võ Hoài Mỹ Duyên			750,000		
232	5	Chủ hộ: Mai Thành Lợi	5	5	750,000	3.750,000	Hưng Thạnh
		Lý Sâm Mùi			750,000		
		Mai Thanh Phong			750,000		
		Mai Minh Thành			750,000		
		Mai Minh Vũ			750,000		
233	6	Chủ hộ: Nguyễn Thị Hương	6	6	750,000	4.500,000	Hưng Thạnh
		Trần Trung Tín			750,000		
		Trần Trung Nhân			750,000		
		Trần Như ý			750,000		
		Trần Như nguyên			750,000		
		Trần Hoàng Diệp			750,000		
234	7	Chủ hộ: Thổ Hiếu	5	5	750,000	3.750,000	Hưng Hiệp
		Trần Thị Kim Liên			750,000		
		Thổ Thị Tuyết Mai			750,000		
		Thổ Thị Tuyết Lan			750,000		
		Thổ Thị Tuyết Hương			750,000		
235	8	Chủ hộ: Nguyễn Thị Dung	3	3	750,000	2.250,000	Ấp Lộ 25
		Hoàng Trọng Phước			750,000		
		Hoàng Thị Thủy			750,000		
236	9	Chủ hộ: Phùng A Nhì	4	3	750,000	2.250,000	Ấp Lộ 25
		Phùng Nhì Mùi			750,000		
		Phùng Ngọc Trinh			750,000		
		Huỳnh Phùng Như Ngọc			750,000		
237	10	Chủ hộ: Thị Nga	4	4	750,000	3.000,000	Ấp 9/4
		Thị Kim Anh			750,000		
		Thị Thổ Gia Hưng			750,000		
		Thị Thổ Gia Tuấn			750,000		
238	11	Chủ hộ: Nguyễn Thị Cúc	7	7	750,000	5.250,000	Ấp 9/4
		Nguyễn Thị Thu Vân			750,000		
		Nguyễn Đình Quốc Long			750,000		
		Nguyễn Thị Anh Thư			750,000		
		Nguyễn Thị Khánh Vy			750,000		
		Lê Đăng Khoa			750,000		
		Nguyễn Thị Phương Anh			750,000		
239	12	Chủ hộ: Nguyễn Thị Lý	4	4	750,000	3.000,000	Ấp 9/4
		Lê Viết Long			750,000		
		Lê Viết Đạt			750,000		
		Lê Thị Mộng Tuyền			750,000		
240	13	Chủ hộ: Lê Thị Lành	2	2	750,000	1.500,000	Ấp 9/4
		Lê Mậu Châu			750,000		
241	14	Chủ hộ: Nguyễn Thị Hai	2	1	750,000	750,000	Hưng Nhon
		Nguyễn Văn Ngọc			750,000		
242	15	Chủ hộ: Trần Thị Sắc	1	1	750,000	750,000	Hưng Nhon
243	16	Chủ hộ: Nguyễn Thị Dưa	3	3	750,000	2.250,000	Hưng Nhon
		Nguyễn Thành Tâm			750,000		

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/ khẩu/tháng x3 tháng =750.000	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố)
		Nguyễn Thành Tân			750.000		
244	17	Chủ hộ: Trương Thị Mai	1	1	750.000	750.000	Hưng Nhơn
245	18	Chủ hộ: Lê Thị Bền	1	1	750.000	750.000	Hưng Nghĩa
246	19	Chủ hộ: Trần Thị Phụng	1	1	750.000	750.000	Hưng Thạnh
247	20	Chủ hộ: Nguyễn Văn Viễn	2	2	750.000	1.500.000	Hưng Thạnh
		Nguyễn Anh Cường			750.000		
248	21	Chủ hộ: Nguyễn Thị Mai	2	1	750.000	750.000	Hưng Thạnh
249	22	Chủ hộ: Nguyễn Thị Trọng	2	1		750.000	Hưng Thạnh
		Nguyễn Văn Tâm			750.000		
250	23	Chủ hộ: Lê Thị Thảo	1	1	750.000	750.000	Hưng Hiệp
251	24	Chủ hộ: Thỏ Hùng	1	1	750.000	750.000	Hưng Hiệp
252	25	Chủ hộ: Võ Thị Tiến	1	1	750.000	750.000	Hưng Hiệp
253	26	Chủ hộ: Đỗ Trọng Nghĩa	2	2	750.000	1.500.000	Hưng Hiệp
		Đỗ Trọng Trí			750.000		
254	27	Chủ hộ: Nguyễn Thị Xinh	1	1	750.000	750.000	Hưng Hiệp
255	28	Chủ hộ: Phan Thị Theo	2	2	750.000	1.500.000	Hưng Hiệp
		Mai Thế Thuận			750.000		
256	29	Chủ hộ: Trần Như Châu	1	1	750.000	750.000	Áp Lộ 25
257	30	Chủ hộ: Nguyễn Thị Quyên	1	1	750.000	750.000	Áp Lộ 25
258	31	Chủ hộ: Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	2	2	750.000	1.500.000	Áp Lộ 25
		Nguyễn Thị Quỳnh Uyên			750.000		
259	32	Chủ hộ: Nguyễn Thị Rồi	2	2	750.000	1.500.000	Áp Lộ 25
		Trần Văn Thảo			750.000		
260	33	Chủ hộ: Thị Chiêu	1	1	750.000	750.000	Áp 9/4
261	34	Chủ hộ: Ngô Thị Lục	1	1	750.000	750.000	Áp 9/4
262	35	Chủ hộ: Lê Văn Hiền	1	1	750.000	750.000	Áp 9/4
263	36	Chủ hộ: Phan Thị Đào	1	1	750.000	750.000	Áp 9/4
			89	83	62.250.000	62.250.000	
		IX. XÃ GIA TÂN 1					
		cận nghèo TW					
264	1	Chủ hộ: Đỗ Văn Thành	4	4	750.000	3.000.000	124b/2 Dốc Mờ 1
		Nguyễn Thị Cúc			750.000		
		Đỗ Kim Hoàng			750.000		
		Đỗ Thị Kim Loan			750.000		
265	2	Chủ hộ: Trần Ngọc Liêm	5	5	750.000	3.750.000	416/3B Dốc Mờ 2
		Nguyễn Thị Thu Trinh			750.000		
		Trần Ngọc Bích			750.000		
		Trần Thanh Phong			750.000		
		Trần Thanh Dũng			750.000		
266	3	Chủ hộ: Nguyễn Thị Ngọc Yến	4	4	750.000	3.000.000	Đội 5 Dốc Mờ 2
		Nguyễn Bá Linh			750.000		
		Nguyễn Minh Trí			750.000		
		Nguyễn Minh Nhật			750.000		
267	4	Chủ hộ: Phạm Duy Tâm	4	3		2.250.000	35/5 Dốc Mờ 3
		Phạm Lê Hoàng Tài			750.000		
		Phạm Ngọc Quỳnh Như			750.000		
		Phạm Lê Hoàng Tân			750.000		
268	5	Chủ hộ: Nguyễn Thị Chích	2	1			Dốc Mờ 1
		Nguyễn Thị Mơ			750.000	750.000	
269	6	Chủ hộ: Chu Thị Kim Ánh	1	1	750.000	750.000	181/2b Dốc Mờ 1
		Chủ hộ: Ngô Thị Phìn	2	2	750.000	1.500.000	237/4 Dốc Mờ 3
270	7	Ngô Thị Hoa			750.000		
			22	20	15.000.000	15.000.000	
		X. XÃ GIA TÂN 3					
		A. CẬN NGHÈO TW					

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/ khẩu/tháng x3 tháng =750.000	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố)
271	1	Chủ hộ: Trần Thế Hiện	6	6	750.000	4.500.000	Phúc Nhạc 1
		Vũ Thị Kim Mai			750.000		Phúc Nhạc 1
		Vũ Công Thành			750.000		Phúc Nhạc 1
		Trần Nam Hạo			750.000		Phúc Nhạc 1
		Trần Vũ Mỹ Hằng			750.000		Phúc Nhạc 1
		Trần Mỹ Hân			750.000		Phúc Nhạc 1
272	2	Chủ hộ: Nguyễn Thị Thanh Lan	4	4	750.000	3.000.000	Phúc Nhạc 2
		Nguyễn Quốc Tuấn			750.000		Phúc Nhạc 2
		Nguyễn Thị Ngọc Nhi			750.000		Phúc Nhạc 2
		Nguyễn Văn Tiến			750.000		Phúc Nhạc 2
273	3	Chủ hộ: Trần Văn Bắc	8	8	750.000	6.000.000	Phúc Nhạc 2
		Trần Thị Mỹ Duyên			750.000		Phúc Nhạc 2
		Trần Hoài Thanh Thảo			750.000		Phúc Nhạc 2
		Trần Hoài Anh Thư			750.000		Phúc Nhạc 2
		Trần Gia Bảo			750.000		Phúc Nhạc 2
		Trần Tuấn Đạt			750.000		Phúc Nhạc 2
		Trần Nhã Phương Linh			750.000		Phúc Nhạc 2
		Trần Hoàng Bích Phương			750.000		Phúc Nhạc 2
274	4	Chủ hộ: Phạm Đình Thiện	3	3	750.000	2.250.000	Phúc Nhạc 2
		Phạm Tuấn Hưng			750.000		Phúc Nhạc 2
		Phạm Tuấn Hoàng			750.000		Phúc Nhạc 2
275	5	Chủ hộ: Nguyễn Thị Dần	2	2	750.000	1.500.000	Phúc Nhạc 2
		Nguyễn Thị Lành			750.000		Phúc Nhạc 2
276	6	Chủ hộ: Nguyễn Quang Vinh	5	5	750.000	3.750.000	Tân Yên
		Nguyễn Thị Thu Hằng			750.000		Tân Yên
		Nguyễn Xuân Trường			750.000		Tân Yên
		Nguyễn Thị Như Quỳnh			750.000		Tân Yên
		Nguyễn Hoàng Quân			750.000		Tân Yên
277	7	Chủ hộ: Trần Cao Thái	4	4	750.000	3.000.000	Tân Yên
		Nguyễn Thị Thanh Thủy			750.000		Tân Yên
		Trần Như Ý			750.000		Tân Yên
		Trần Gia Bảo			750.000		Tân Yên
278	8	Chủ hộ: Nguyễn Quang Thành	4	4	750.000	3.000.000	Tân Yên
		Nguyễn Thị Giang			750.000		Tân Yên
		Nguyễn Thị Yến Nhi			750.000		Tân Yên
		Nguyễn Bảo Bình			750.000		Tân Yên
279	9	Chủ hộ: Trần Thị Tuyết Mai	5	5	750.000	3.750.000	Gia Yên
		Lại Thành Thái			750.000		Gia Yên
		Lại Linh Lan			750.000		Gia Yên
		Lại Thế Hiện			750.000		Gia Yên
		Lại Diệu Nhi			750.000		Gia Yên
280	10	Chủ hộ: Mai Thị Thanh Hương	7	7	750.000	5.250.000	Gia Yên
		Nguyễn Thu Tuyền			750.000		Gia Yên
		Nguyễn Mai Quốc Tuyền			750.000		Gia Yên
		Nguyễn Mai Thanh Thủy			750.000		Gia Yên
		Nguyễn Mai Cẩm Tiên			750.000		Gia Yên
		Nguyễn Mai Hoàng Tân			750.000		Gia Yên
		Nguyễn Mai Quốc Tiến			750.000		Gia Yên
281	11	Chủ hộ: Mai Thị Thủy	4	4	750.000	3.000.000	Gia Yên
		Phạm Xuân Tinh			750.000		Gia Yên
		Phạm Thế Tài			750.000		Gia Yên
		Phạm Hoàng Gia Tấn			750.000		Gia Yên
282	12	Chủ hộ: Nguyễn Công Vụ	5	5	750.000	3.750.000	Gia Yên
		Phạm Thụy Linh Chi			750.000		Gia Yên
		Nguyễn Phạm Tường Vy			750.000		Gia Yên

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/ khẩu/tháng x3 tháng =750.000	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố)
		Nguyễn Phạm Quỳnh Hương			750.000		Gia Yên
		Nguyễn Phạm Tuấn Lộc			750.000		Gia Yên
283	13	Chủ hộ: Lại Xuân Tiến	5	5	750.000	3.750.000	Gia Yên
		Phạm Ngọc Hoàng Yến			750.000		Gia Yên
		Lại Ngọc Hoàng Trinh			750.000		Gia Yên
		Lại Ngọc Hoàng Tiên			750.000		Gia Yên
		Lại Ngọc Hoàng Tấn			750.000		Gia Yên
284	14	Chủ hộ: Vũ Thị Kim Hiên	1	1	750.000	750.000	Phúc Nhạc 1
285	15	Chủ hộ: Vũ Thị Mến	1	1	750.000	750.000	Phúc Nhạc 1
286	16	Chủ hộ: Trần Minh	2	2	750.000	1.500.000	Phúc Nhạc 1
		Vũ Thị Phương Dung			750.000		Phúc Nhạc 1
287	17	Chủ hộ: Vũ Văn Công	2	2	750.000	1.500.000	Phúc Nhạc 1
		Nguyễn Thị Mỹ			750.000		Phúc Nhạc 1
288	18	Chủ hộ: Phạm Thị Nga	1	1	750.000	750.000	Tân Yên
289	19	Chủ hộ: Lưu Thị Hòa	1	1	750.000	750.000	Tân Yên
290	20	Vũ Thanh Đại	1	1	750.000	750.000	Tân Yên
291	21	Nguyễn Thị Sinh	2	2	750.000	1.500.000	Tân Yên
		Hoàng Thanh Linh			750.000		Tân Yên
292	22	Nguyễn Thị Hiên	1	1	750.000	750.000	Tân Yên
293	23	Đỗ Thị Dân	2	1	750.000	750.000	Tân Yên
294	24	Chủ hộ: Nguyễn Thị Hòe	1	1	750.000	750.000	Tân Yên
295	25	Chủ hộ: Mai Thị Sơn	1	1	750.000	750.000	Tân Yên
296	26	Chủ hộ: Nguyễn Thị Nhuận	1	1	750.000	750.000	Tân Yên
297	27	Chủ hộ: Nguyễn Ngọc Chi	1	1	750.000	750.000	Tân Yên
298	28	Chủ hộ: Trương Thị Tâm	1	1	750.000	750.000	Tân Yên
299	29	Chủ hộ: Nguyễn Thị Quát	1	1	750.000	750.000	Tân Yên
300	30	Chủ hộ: Phạm Thị Hồng	1	1	750.000	750.000	Tân Yên
301	31	Chủ hộ: Trần Thị Cậy	1	1	750.000	750.000	Tân Yên
302	32	Chủ hộ: Trần Quang Dân	2	2	750.000	1.500.000	Gia Yên
		Lại Thị Xuyên			750.000		Gia Yên
303	33	Chủ hộ: Vũ Văn Sơn	1	1	750.000	750.000	Gia Yên
304	34	Chủ hộ: Nguyễn Thị Ni	2	1	750.000	750.000	Gia Yên
305	35	Chủ hộ: Nguyễn Thị Nguyệt	1	1	750.000	750.000	Gia Yên
306	36	Chủ hộ: Nguyễn Văn Nhật	2	2	750.000	1.500.000	Gia Yên
		Phạm Thị Lệ Hằng			750.000		Gia Yên
307	37	Chủ hộ: Phạm Thị Mơ	2	1	750.000	750.000	Gia Yên
308	38	Chủ hộ: Phạm Thị Tin	2	1		750.000	Gia Yên
		Phạm Thị Sáng			750.000		Gia Yên
309	39	Chủ hộ: Phạm Thị Sáng	1	1	750.000	750.000	Gia Yên
310	40	Trần Thị Vân	1	1	750.000	750.000	Gia Yên
			98	94	70.500.000	70.500.000	
Tổng cộng được hỗ trợ : 310 hộ, 653 khẩu x 750.000đ = 489.750.000đ.							

Viết bằng chữ: Bốn trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng./.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hòa Hiệp

**DANH SÁCH NGƯỜI THUỘC HỘ CẬN NGHÈO TỈNH ĐỒNG NAI HƯỞNG CHÍNH SÁCH
HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THỐNG NHẤT**

(Kèm theo Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

Mẫu số 2

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu tháng x3 tháng =750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố, xã)
	A	B	1	2	3	4	5
		I. XÃ LỘ 25					
1	1	Nguyễn Thị Hồng	2	2	750,000	1.500.000	ấp 1
		Chế Thái Quyền			750,000		
2	2	Lê Quang Giáp	6	6	750,000	4.500.000	ấp 1
		Đình Thị Nhuận			750,000		
		Lê Quốc Anh			750,000		
		Lê Ngọc Minh Anh			750,000		
		Lê Đức Anh			750,000		
		Lê Tuấn Anh			750,000		
3	3	Nguyễn Thị Bính	10	9		6.750.000	ấp 1
		Hoàng Thị Lộc			750,000		
		Hoàng Văn Minh			750,000		
		Hoàng Thị Thanh			750,000		
		Hoàng Đức Hùng			750,000		
		Hoàng Thái Dương			750,000		
		Hoàng Hùng Gia Bảo			750,000		
		Hoàng Thị Bảo Thi			750,000		
		Hoàng Lệ Như Ý			750,000		
		Hoàng Minh Thiện			750,000		
4	4	Đào Quốc Hưng	2	2	750,000	1.500.000	ấp 2
		Đào Quốc Kiệt			750,000		
5	5	Vũ Thị Vui	3	2		1.500.000	ấp 2
		Nguyễn Vũ Mạnh Quân			750,000		
		Nguyễn Vũ Kiều Oanh			750,000		
6	6	Huỳnh Văn Nghĩa	3	3	750,000	2.250.000	ấp 2
		Trần Thị Mỹ Lệ			750,000		
		Huỳnh Thị Mỹ Trang			750,000		
7	7	Bùi Thị Mến	2	2	750,000	1.500.000	ấp 2
		Bùi Thị Gái			750,000		
8	8	Nguyễn Thị Đức Hạnh	4	4	750,000	3.000.000	ấp 4
		Lê Văn Hoàng Vũ			750,000		
		Lê Trần Minh Tiến			750,000		
		Lê Trần Bảo Nhi			750,000		
9	9	Lê Minh Hoàng	3	3	750,000	2.250.000	ấp 4
		Đoàn Thị Thuận			750,000		
		Lê Võ Minh Khôi			750,000		
10	10	Vắt Mùi Hóng	2	2	750,000	1.500.000	ấp 4

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu u/tháng x3 tháng =750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố, xã)
		Phùng Trọng Thủy			750,000		
11	11	Nguyễn Thị Kim Vy	6	6	750,000	4.500.000	ấp 4
		Trần Quang Vinh			750,000		
		Trần Ngọc Khánh Linh			750,000		
		Trần Vĩnh Phúc			750,000		
		Trần Ngọc Như Ý			750,000		
		Trần Văn Quang			750,000		
12	12	Vũ Thị Xuyên	4	4	750,000	3.000.000	ấp 5
		Hà Vũ Ngọc Tú			750,000		
		Hà Vũ Ngọc Trinh			750,000		
		Hà Vũ Ngọc Chi			750,000		
13	13	Nguyễn Văn Sứy	4	4	750,000	3.000.000	ấp 5
		Nguyễn Thị Ngọc Lan			750,000		
		Nguyễn Quốc An			750,000		
		Nguyễn Phúc Thiên Ân			750,000		
14	14	Lê Hương Sáng	8	8	750,000	6.000.000	ấp 6
		Hồ A Điều			750,000		
		Lê Hoàng Minh Kiều			750,000		
		Lê Hàng Tái Cường			750,000		
		Lê Hàng Tái Nghĩa			750,000		
		Lê Hàng Gia Anh			750,000		
		Lê Hàng Tái Hỷ			750,000		
		Lê Hàng Tái Lợi			750,000		
		Tổng cộng: 14 HỘ	59	57	42.750,000	42.750.000	
		II. XÃ XUÂN THIỆN					
15	1	Chủ hộ: Nguyễn Thị Kim Thu	4	4	750.000	3.000.000	ấp Tín Nghĩa
		Lê Thu Thủy			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Nguyễn Long Nhân			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Nguyễn Ngọc Anh			750.000		ấp Tín Nghĩa
16	2	Chủ hộ: Lê Văn Mót	7	7	750.000	5.250.000	ấp Tín Nghĩa
		Y Thị Kim Hằng			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Lê Văn Long			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Lê Thị Kim Hoa			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Lê Văn Hải			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Lê Thị Thu Hà			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Lê Minh Hoàng			750.000		ấp Tín Nghĩa
17	3	Chủ hộ: Nguyễn Thị Thái	5	5	750.000	3.750.000	ấp Tín Nghĩa
		Đỗ Thành Nhân			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Phạm Thị Bạch Tuyết			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Đỗ Đăng Khôi			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Đỗ Minh Quân			750.000		ấp Tín Nghĩa
18	4	Chủ hộ: Thị Dồi	5	4		3.000.000	
		Nguyễn Thị Mai			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Điền Minh			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Điền Dương			750.000		ấp Tín Nghĩa

TT hộ toàn huyện	TT	Họ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu u/tháng x3 tháng =750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố, xã)
		Nguyễn Minh Phương			750.000		ấp Tín Nghĩa
19	5	Nguyễn Thị Thơm	6	5	750.000	3.750.000	ấp Tín Nghĩa
		Trần Văn Thiệp			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Trần Thị Kim			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Đặng Gia Lâm			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Trần A Dũng			750.000		ấp Tín Nghĩa
20	6	Nguyễn Thị Hà	5	5	750.000	3.750.000	ấp Tín Nghĩa
		Cao văn Thoai			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Cao văn Phước			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Cao Thị Thanh Thảo			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Cao Thị Yến Vy			750.000		ấp Tín Nghĩa
21	7	Phạm Tiến Sĩ (Tuấn Sĩ)	3	3	750.000	2.250.000	ấp Tín Nghĩa
		Bùi Thị Hằng			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Phạm Ngọc Thanh Sang			750.000		ấp Tín Nghĩa
22	8	Lâm Văn Đình	5	5	750.000	3.750.000	ấp Tín Nghĩa
		Thị Nga			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Lâm Gia Huy			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Lê Mỹ Ngọc Trâm			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Lê Mỹ Ngọc My			750.000		ấp Tín Nghĩa
23	9	Nguyễn Thị Ánh	2	2	750.000	1.500.000	ấp Tín Nghĩa
		Trần Thị Tuyết Linh			750.000		ấp Tín Nghĩa
24	10	Võ Văn Màng	6	5	750.000	3.750.000	ấp Tín Nghĩa
		Nguyễn Thị Việt Ánh			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Võ Thị Kim Liên			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Phùng Võ Thanh Văn			750.000		ấp Tín Nghĩa
		Bùi Trường Thịnh			750.000		ấp Tín Nghĩa
25	11	Thổ Danh	5	4	750.000	3.000.000	ấp Xuân Thiện
		Thổ Thị Tám			750.000		ấp Xuân Thiện
		Thổ Long			750.000		ấp Xuân Thiện
		Thổ Thị Nhã			750.000		ấp Xuân Thiện
26	12	Thị Cúc	6	6	750.000	4.500.000	ấp Xuân Thiện
		Điền Trung			750.000		ấp Xuân Thiện
		Thị Thanh			750.000		ấp Xuân Thiện
		Điền Minh Huy			750.000		ấp Xuân Thiện
		Điền Minh Trí			750.000		ấp Xuân Thiện
		Điền Minh Tuấn			750.000		ấp Xuân Thiện
27	13	Điền Phi	5	5	750.000	3.750.000	ấp Xuân Thiện
		Công Thị Lan			750.000		ấp Xuân Thiện
		Điền Duy Hiếu			750.000		ấp Xuân Thiện
		Điền Duy Hào			750.000		ấp Xuân Thiện
		Điền Thị Kim Ngân			750.000		ấp Xuân Thiện
28	14	Chủ hộ: Trần Thị Dần	6	5		3.750.000	ấp Xuân Thiện
		Phạm Thanh Sang			750.000		ấp Xuân Thiện
		Nguyễn Thủy Vân			750.000		ấp Xuân Thiện
		Phạm Thanh Trọng			750.000		ấp Xuân Thiện
		Phạm Nguyễn Thụy Tiên			750.000		ấp Xuân Thiện

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu/tháng x3 tháng =750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố, xã)
		Phạm Thanh Khoa			750.000		ấp Xuân Thiện
29	15	Lê Thị Nhu	3	3	750.000	2.250.000	ấp Xuân Thiện
		Võ Lê Quốc Anh			750.000		ấp Xuân Thiện
		Võ Lê Tường Vy			750.000		ấp Xuân Thiện
30	16	Nguyễn Thị Thanh Thúy	3	3	750.000	2.250.000	ấp Xuân Thiện
		Nguyễn Thị Thanh Trang			750.000		ấp Xuân Thiện
		Nguyễn Thành Tài			750.000		ấp Xuân Thiện
31	17	Nguyễn Bá Vương	4	4	750.000	3.000.000	ấp Xuân Thiện
		Lê Thị Phượng Lan			750.000		ấp Xuân Thiện
		Nguyễn Hoàng Đăng Khôi			750.000		ấp Xuân Thiện
		Nguyễn Hoàng Đăng Khoa			750.000		ấp Xuân Thiện
32	18	Vũ Thị Ôn	4	4	750.000	3.000.000	ấp Xuân Thiện
		Trần Văn Lộc			750.000		ấp Xuân Thiện
		Trần Thanh Bình			750.000		ấp Xuân Thiện
		Trần Bình Minh			750.000		ấp Xuân Thiện
33	19	Thị Hơ	4	2	750.000	1.500.000	ấp Xuân Thiện
		Điền Thị Kim Ánh			750.000		ấp Xuân Thiện
34	20	Nguyễn Văn Phan	3	2	750.000	1.500.000	ấp Xuân Thiện
		Trần Thị Nga			750.000		ấp Xuân Thiện
35	21	Bùi Tấn Tài	3	3	750.000	2.250.000	ấp Xuân Thiện
		Bùi Hà Thảo Vy			750.000		ấp Xuân Thiện
		Bùi Hà Phương Trang			750.000		ấp Xuân Thiện
36	22	Mai Hưng	3	3	750.000	2.250.000	ấp Xuân Thiện
		Thị Xí			750.000		ấp Xuân Thiện
		Mai Linh			750.000		ấp Xuân Thiện
		TỔNG CỘNG: 22 HỘ	97	89	66.750.000	66.750.000	
		III. XÃ QUANG TRUNG					
37	1	Lưu Đức Thanh	7	7	750.000	5.250.000	Tổ 3- Nguyễn Huệ 1
		Đinh Thị Thủy Hằng			750.000		Tổ 3- Nguyễn Huệ 1
		Lưu Hồng Tường Vy			750.000		Tổ 3- Nguyễn Huệ 1
		Lưu Ân Thuận Mỹ			750.000		Tổ 3- Nguyễn Huệ 1
		Lưu Đức Thiện Khiêm			750.000		Tổ 3- Nguyễn Huệ 1
		Lưu Phúc Thủy Diệu			750.000		Tổ 3- Nguyễn Huệ 1
		Lưu Tin Cây Mến			750.000		Tổ 3- Nguyễn Huệ 1
38	2	Trần Văn Hòa	5	3		2.250.000	C3/081Tổ 7 Nguyễn Huệ 1
		Nguyễn Thị Hương			750.000		C3/081Tổ 7 Nguyễn Huệ 1
		Trần Thanh Tâm			750.000		C3/081Tổ 7 Nguyễn Huệ 1
		Trần Tuấn Tú			750.000		C3/081Tổ 7 Nguyễn Huệ 1
39	3	Nguyễn Công Thanh	4	2	750.000	1.500.000	A1/016 tổ 1 Nguyễn Huệ 1
		Nguyễn Thị The			750.000		A1/016 tổ 1 Nguyễn Huệ 1
40	4	Nguyễn Thị Liễu	7	7	750.000	5.250.000	Q6/197- Tổ 13- Nguyễn Huệ 1
		Nguyễn Trung Hiếu			750.000		Q6/197- Tổ 13- Nguyễn Huệ 1
		Nguyễn Thị Tuyết Nhung			750.000		Q6/197- Tổ 13- Nguyễn Huệ 1
		Nguyễn Ngọc Lan			750.000		Q6/197- Tổ 13- Nguyễn Huệ 1
		Nguyễn Tường Vy			750.000		Q6/197- Tổ 13- Nguyễn Huệ 1
		Nguyễn Phi Hùng			750.000		Q6/197- Tổ 13- Nguyễn Huệ 1

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu/tháng x3 tháng =750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố, xã)
		Nguyễn Quỳnh Hương			750.000		Q6/197- Tô 13- Nguyễn Huệ 1
41	5	Trần Văn Quý	5	4	750.000	3.000.000	Nguyễn Huệ 1
		Mai Thị Khen			750.000		Nguyễn Huệ 1
		Vũ Quốc Toàn			750.000		Nguyễn Huệ 1
		Bùi Thị Ngọc Mai			750.000		Nguyễn Huệ 1
42	6	Nguyễn Tấn Phát	5	5	750.000	3.750.000	F5/259 Nguyễn Huệ 2
		Nguyễn Thị Thanh Thủy			750.000		F5/259 Nguyễn Huệ 2
		Nguyễn Ngọc Trúc Ly			750.000		F5/259 Nguyễn Huệ 2
		Nguyễn Kiều Phương Uyên			750.000		F5/259 Nguyễn Huệ 2
		Nguyễn Phát Lộc			750.000		F5/259 Nguyễn Huệ 2
43	7	Lê Ngọc Thiện	7	6	750.000	4.500.000	Áp Nguyễn Huệ 2
		Nguyễn Thị Kim Ngọc			750.000		Áp Nguyễn Huệ 2
		Lê Nguyễn Hải Thiên			750.000		Áp Nguyễn Huệ 2
		Lê Nguyễn Ngọc Đăng			750.000		Áp Nguyễn Huệ 2
		Lê Nguyễn Kim Ngân			750.000		Áp Nguyễn Huệ 2
		Lê Nguyễn Bình Minh			750.000		Áp Nguyễn Huệ 2
44	8	Nguyễn Tất Đạt	4	3		2.250.000	F3/072 B Nguyễn Huệ 2
		Trần Thị Ngọc Mai			750.000		F3/072 B Nguyễn Huệ 2
		Nguyễn TiNa			750.000		F3/072 B Nguyễn Huệ 2
		Nguyễn Đăng Khoa			750.000		F3/072 B Nguyễn Huệ 2
45	9	Phạm Hữu Tiến	7	7	750.000	5.250.000	F3/087 A Nguyễn Huệ 2
		Đinh Thị Thủy Vân			750.000		F3/087 A Nguyễn Huệ 2
		Phạm Duy Khang			750.000		F3/087 A Nguyễn Huệ 2
		Phạm Duy Mạnh			750.000		F3/087 A Nguyễn Huệ 2
		Phạm Tuấn Vỹ			750.000		F3/087 A Nguyễn Huệ 2
		Phạm Tuấn Vũ			750.000		F3/087 A Nguyễn Huệ 2
		Nguyễn Thị Quý			750.000		F3/087 A Nguyễn Huệ 2
46	10	Nguyễn Thị Phương Linh	4	4	750.000	3.000.000	Nguyễn Huệ 2
		Nguyễn Ngọc Thảo Vy			750.000		Nguyễn Huệ 2
		Nguyễn Gia Hưng			750.000		Nguyễn Huệ 2
		Nguyễn Hải Đăng			750.000		Nguyễn Huệ 2
47	11	Trần Thị Thu Thảo	3	3	750.000	2.250.000	Nguyễn Huệ 2
		Trình Hải Hào Nam			750.000		Nguyễn Huệ 2
		Trình Hải Sơn			750.000		Nguyễn Huệ 2
48	12	Đào Xuân Hiệp	4	3	750.000	2.250.000	Tổ 3 ấp Lê Lợi 2
		Nguyễn Thị Kiều			750.000		Tổ 3 ấp Lê Lợi 2
		Đào Nhật Minh			750.000		Tổ 3 ấp Lê Lợi 2
49	13	Nguyễn Văn Nguyên	5	5	750.000	3.750.000	A1/010B, Lê Lợi 2
		Lê Thị Tuyền			750.000		A1/010B, Lê Lợi 2
		Nguyễn Đức Tuấn			750.000		A1/010B, Lê Lợi 2
		Nguyễn Đức Quốc			750.000		A1/010B, Lê Lợi 2
		Nguyễn Thị Hương Lan			750.000		A1/010B, Lê Lợi 2
50	14	Nguyễn Văn Hương	6	6	750.000	4.500.000	Tổ 2 ấp Lê Lợi 2
		Trần Thị Phương Uyên			750.000		Tổ 2 ấp Lê Lợi 2
		Nguyễn Thị Hồng Hạnh			750.000		Tổ 2 ấp Lê Lợi 2
		Nguyễn Thị Hoàng Trinh			750.000		Tổ 2 ấp Lê Lợi 2

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu/tháng x3 tháng =750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố, xã)
		Nguyễn Thị Thùy Dương			750.000		Tổ 2 ấp Lê Lợi 2
		Nguyễn Ngọc Hải			750.000		Tổ 2 ấp Lê Lợi 2
51	15	Phùng Ngọc Trung	6	6	750.000	4.500.000	Tổ 7 Lê Lợi 2
		Nguyễn Thị Kim Bích			750.000		Tổ 7 Lê Lợi 2
		Phùng Ngọc Lễ			750.000		Tổ 7 Lê Lợi 2
		Phùng Ngọc Phương Anh			750.000		Tổ 7 Lê Lợi 2
		Phùng Ngọc Nghĩa			750.000		Tổ 7 Lê Lợi 2
		Phùng Ngọc Chí			750.000		Tổ 7 Lê Lợi 2
52	16	Võ Thị Thu Lộc	4	4	750.000	3.000.000	Ấp Lê Lợi 2
		Nguyễn Thị Thanh Thao			750.000		Ấp Lê Lợi 2
		Võ Thị Thanh Thương			750.000		Ấp Lê Lợi 2
		Võ Thiên Thái			750.000		Ấp Lê Lợi 2
53	17	Trần Thị Ánh	7	6	750.000	4.500.000	Tổ 6 Nam Sơn
		Nguyễn Duy Khanh			750.000		Tổ 6 Nam Sơn
		Nguyễn Thị Thu Hà			750.000		Tổ 6 Nam Sơn
		Nguyễn Thị Kim Liên			750.000		Tổ 6 Nam Sơn
		Nguyễn Duy Hoàng			750.000		Tổ 6 Nam Sơn
		Nguyễn Thị Kim Nhung			750.000		Tổ 6 Nam Sơn
54	18	Mai Thị An	5	5	750.000	3.750.000	Ấp Nam Sơn
		Mai Thị Ninh			750.000		Ấp Nam Sơn
		Đinh Duy Thành			750.000		Ấp Nam Sơn
		Đinh Duy Đạt			750.000		Ấp Nam Sơn
		Mai Trung Hiếu			750.000		Ấp Nam Sơn
55	19	Lê Thị Ngoan	6	5		3.750.000	Ấp Nam Sơn
		Nguyễn Ngọc Long			750.000		Ấp Nam Sơn
		Nguyễn Thị Hượng			750.000		Ấp Nam Sơn
		Nguyễn Minh Phụng			750.000		Ấp Nam Sơn
		Nguyễn Minh Hiếu			750.000		Ấp Nam Sơn
		Nguyễn Vạn Ngân			750.000		Ấp Nam Sơn
56	20	Phạm Quang Tuấn	7	7	750.000	5.250.000	E2/048A, Nam Sơn
		Nguyễn Thị Bích Ngọc			750.000		E2/048A, Nam Sơn
		Phạm Thiên Tân			750.000		E2/048A, Nam Sơn
		Phạm Thiên An			750.000		E2/048A, Nam Sơn
		Phạm Lan Phương			750.000		E2/048A, Nam Sơn
		Phạm Lan Nhi			750.000		E2/048A, Nam Sơn
		Phạm Lan Vy			750.000		E2/048A, Nam Sơn
57	21	Phạm Thị Thùy Thoa	4	4	750.000	3.000.000	H2/019, Nam Sơn
		Phạm Hoàng Long			750.000		H2/019, Nam Sơn
		Phạm Hoàng Hải			750.000		H2/019, Nam Sơn
		Phạm Hoàng Nam			750.000		H2/019, Nam Sơn
58	22	Nguyễn Thị Ngươi	6	6	750.000	4.500.000	H2/056, Nam Sơn
		Nguyễn Thị Hoa			750.000		H2/056, Nam Sơn
		Nguyễn Văn Lợi			750.000		H2/056, Nam Sơn
		Lê Nguyễn			750.000		H2/056, Nam Sơn
		Nguyễn Ngọc Gia Hân			750.000		H2/056, Nam Sơn
		Nguyễn Thành Đạt			750.000		H2/056, Nam Sơn

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu/tháng x3 tháng =750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố, xã)
59	23	Nguyễn Thế Nguyễn	3	2		1.500.000	Tổ 17 Bắc Sơn
		Nguyễn Thị Hương			750.000		Tổ 17 Bắc Sơn
		Nguyễn Thế Ngọc			750.000		Tổ 17 Bắc Sơn
60	24	Trần Quốc Thuận	7	6		4.500.000	Tổ 5 ấp Bắc Sơn
		Trần Thị Kim Loan			750.000		Tổ 5 ấp Bắc Sơn
		Trần Quốc Toàn			750.000		Tổ 5 ấp Bắc Sơn
		Trần Thị Thiên Trang			750.000		Tổ 5 ấp Bắc Sơn
		Trần Thiên Thanh			750.000		Tổ 5 ấp Bắc Sơn
		Trần Thanh Thiên			750.000		Tổ 5 ấp Bắc Sơn
		Trần Thanh Trung			750.000		Tổ 5 ấp Bắc Sơn
61	25	Nguyễn Thị Pháp	2	2	750.000	1.500.000	Tổ 5 ấp Bắc Sơn
		Ngô Thị Hồng			750.000		Tổ 5 ấp Bắc Sơn
62	26	Nguyễn Hoài Niệm	4	4	750.000	3.000.000	Bắc Sơn
		Phạm Thị Hương			750.000		Bắc Sơn
		Nguyễn Minh Nhật			750.000		Bắc Sơn
		Nguyễn Minh Thư			750.000		Bắc Sơn
63	27	Nguyễn Văn Quang	6	5	750.000	3.750.000	Tổ 7 ấp Lạc Sơn
		Nguyễn Kim Phương			750.000		Tổ 7 ấp Lạc Sơn
		Nguyễn Văn Tuấn			750.000		Tổ 7 ấp Lạc Sơn
		Nguyễn Hoàng Giang			750.000		Tổ 7 ấp Lạc Sơn
		Nguyễn Nhật Thiên			750.000		Tổ 7 ấp Lạc Sơn
64	28	Thị Thiệt	6	6	750.000	4.500.000	Tổ 3 Lạc Sơn
		Điền Hiếu			750.000		Tổ 3 Lạc Sơn
		Trần Thị Giàu			750.000		Tổ 3 Lạc Sơn
		Điền Quang Thái			750.000		Tổ 3 Lạc Sơn
		Nguyễn Văn Hùng			750.000		Tổ 3 Lạc Sơn
		Điền Hồng Hưng			750.000		Tổ 3 Lạc Sơn
65	29	Huỳnh Thị Bích Nga	6	6	750.000	4.500.000	Tổ 4 ấp Lạc Sơn
		Lê Bửu Hiệp			750.000		Tổ 4 ấp Lạc Sơn
		Lê Hiệp Hòa			750.000		Tổ 4 ấp Lạc Sơn
		Lê Thị Thủy Hằng			750.000		Tổ 4 ấp Lạc Sơn
		Huỳnh Thị Liễu			750.000		Tổ 4 ấp Lạc Sơn
		Lê Thị Thủy Loan			750.000		Tổ 4 ấp Lạc Sơn
66	30	Nguyễn Văn Thiện	6	5	750.000	3.750.000	Tổ 3 Lạc Sơn
		Nguyễn Thị Na			750.000		Tổ 3 Lạc Sơn
		Nguyễn Thị Thủy Dung			750.000		Tổ 3 Lạc Sơn
		Nguyễn Thành Trung			750.000		Tổ 3 Lạc Sơn
		Nguyễn Trung Hiếu			750.000		Tổ 3 Lạc Sơn
67	31	Huỳnh Văn Dết	5	3	750.000	2.250.000	Tổ 4 Lạc Sơn
		Huỳnh Anh Tú Thiên			750.000		Tổ 4 Lạc Sơn
		Huỳnh Khánh Chi			750.000		Tổ 4 Lạc Sơn
68	32	Nguyễn Thị Phương Mai	3	3	750.000	2.250.000	Lạc Sơn
		Huỳnh Thanh Hải			750.000		Lạc Sơn
		Huỳnh Thanh Nguyệt			750.000		Lạc Sơn
Tổng cộng: 32 hộ			166	150	112.500.000	112.500.000	
IV. THỊ TRẤN DẦU GIẤY							

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu u/tháng x3 tháng =750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố, xã)
69	1	Trần Thị Xuân	3	2	750.000	1.500.000	Khu phố Lập Thành
		Trần Lê Nhật Trường			750.000	0	
70	2	Nguyễn Thị La	1	1	750.000	750.000	Khu phố Lập Thành
71	3	Lê Văn Hòe	5	3		2.250.000	Khu phố Lập Thành
		Lê Văn Hồng			750.000	0	
		Lê Văn Phú			750.000	0	
		Lê Văn Hưng			750.000	0	
72	4	Phan Thị Mỹ Hạnh	3	2		1.500.000	Khu phố Trần Hưng Đạo
		Nguyễn Quang Huy			750.000	0	
		Nguyễn Quang Huy Thịnh			750.000	0	
73	5	Võ Thành Trung	5	5	750.000	3.750.000	Khu phố Trần Hưng Đạo
		Nguyễn Thị Thùy Trang			750.000	0	
		Võ Thị Hạnh Bình			750.000	0	
		Võ Nhật Tâm			750.000	0	
		Võ Văn Tiên			750.000	0	
74	6	Hồ Thiệu	2	2	750.000	1.500.000	Khu phố Trần Hưng Đạo
		Nguyễn Thị Tao			750.000	0	
75	7	Nguyễn Thị Hương	1	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Hưng Đạo
76	8	Lương Ngọc Lân	5	5	750.000	3.750.000	Khu phố Phan Bội Châu
		Đinh Thị Duyên			750.000	0	
		Lương Thị Duyên Thịnh			750.000	0	
		Lương Thị Ngọc Cẩm			750.000	0	
		Lương Đăng Hoàn			750.000	0	
77	9	Trương Thị Mùi	2	2	750.000	1.500.000	Khu phố Phan Bội Châu
		Trương Văn Phong			750.000	0	
78	10	Đào Văn Hoàn	2	2	750.000	1.500.000	Khu phố Phan Bội Châu
		Hoàng Thị Nhân			750.000	0	
79	11	Trần Văn Nhân	2	2	750.000	1.500.000	Khu phố Phan Bội Châu
		Trương Thị Huệ			750.000	0	
80	12	Lê Thị Mót	6	5		3.750.000	Khu phố Phan Bội Châu
		Nguyễn Văn Phú			750.000	0	
		Võ Thị Kim Ngân			750.000	0	
		Nguyễn Thị Kim Huệ			750.000	0	
		Nguyễn Thị Kim Xuân			750.000	0	
		Nguyễn Thị Kim Quỳnh			750.000	0	
81	13	Lê Thị Ánh Linh	4	4	750.000	3.000.000	Khu phố Phan Bội Châu
		Nguyễn Văn Đồng			750.000	0	
		Nguyễn Trung Nghĩa			750.000	0	
		Nguyễn Ngọc Ánh Long			750.000	0	
82	14	Đỗ Thị Kim Anh	1	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
83	15	Lê Hoàng Mai Thủy	3	3	750.000	2.250.000	Khu phố Trần Cao Văn
		Lê Minh Hoàng			750.000	0	
		Lê Quốc An			750.000	0	
84	16	Lê Tấn Sơn	6	6	750.000	4.500.000	Khu phố Trần Cao Văn
		Nguyễn Thị Cúc			750.000	0	
		Lê Thị Kim Hằng			750.000	0	

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu/tháng x3 tháng =750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố, xã)
		Lê Thị Kim Thảo			750.000	0	
		Lê Tấn Huy			750.000	0	
		Lê Tấn Hoài			750.000	0	
85	17	Trần Thị Yến	3	2		1.500.000	Khu phố Trần Cao Văn
		Nguyễn Thảo Như			750.000	0	
		Nguyễn Trà My			750.000	0	
86	18	Nguyễn Xuân Toàn	2	2	750.000	1.500.000	Khu phố Trần Cao Văn
		Trần Thị Hằng			750.000	0	
87	19	Nguyễn Đức Vinh	1	1	750.000	750.000	Khu phố Trần Cao Văn
88	20	Đoàn Thị Thủy	4	4	750.000	3.000.000	Khu phố Trần Cao Văn
		Trần Anh Chương			750.000	0	
		Bùi Anh Phương			750.000	0	
		Mai Anh Phúc			750.000	0	
89	21	Nguyễn Phận	3	3	750.000	2.250.000	Khu phố Trần Cao Văn
		Phạm Thị Tường			750.000	0	
		Nguyễn Văn Nhân			750.000	0	
90	22	Nguyễn Thị Gái	4	4	750.000	3.000.000	Khu phố Trần Cao Văn
		Nguyễn Thị Hương			750.000	0	
		Hoàng Nguyễn Thanh Ngọc			750.000	0	
		Hoàng Nguyễn Minh Thư			750.000	0	
		Nguyễn Thị Huệ	2	2	750.000	1.500.000	Khu phố Trần Cao Văn
		Đặng Thành Công			750.000	0	
		Võ Thị Gái	2	2	750.000	1.500.000	Khu phố Trần Cao Văn
		Võ Văn Mây			750.000	0	
		Tổng cộng: 22 Hộ	72	66	49.500.000	49.500.000	
		V. XÃ BÀU HÀM 2					
91	1	Ngô Thị Tú Nhi	3	3	750.000	2.250.000	Tổ 1, Nguyễn Thái Học
		Lê Quỳnh Thi			750.000	0	
		Lê Thảo Vy			750.000	0	
92	2	Tìn A Pẩu	5	5	750.000	3.750.000	Tổ 2 Nguyễn Thái Học
		Hồ Thị Lý			750.000	0	
		Tìn Ngọc Trang			750.000	0	
		Tìn Kim Nhung			750.000	0	
		Tìn Kim Ngọc			750.000	0	
93	3	Trần Văn Thái	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 2 Nguyễn Thái Học
		Nguyễn Thị Bé			750.000	0	
		Trần Nguyễn Hà My			750.000	0	
		Trần Nguyễn Hà Phương			750.000	0	
94	4	Liêu Thế Hồng Loan	3	3	750.000	2.250.000	Tổ 5 Nguyễn Thái Học
		Lê Thảo Nhi			750.000	0	
		Lê Nhật Minh			750.000	0	
95	5	Đương Thị Hoài Thu	3	3	750.000	2.250.000	Tổ 5 Nguyễn Thái Học
		Hà Dương Uyên Trang			750.000	0	
		Đương Uyên Nhi			750.000	0	
96	6	Đương Thị Tổ Tâm	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 9 Nguyễn Thái Học
		Nguyễn Công Viên			750.000	0	

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu/tháng x3 tháng =750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố, xã)
		Nguyễn Tâm Phương Thảo			750.000	0	
		Nguyễn Công Nhật Huy			750.000	0	
97	7	Nguyễn Thị Nùng	4		0	0	Tổ 7 Ngô Quyền
		Nguyễn Trần Mai Anh		3	750.000	2.250.000	
		Trần Thị Thủy Linh			750.000	0	
		Trần Thị Mai Trinh			750.000	0	
98	8	Lê Thị Sời	3	2	750.000	1.500.000	Tổ 7 Ngô Quyền
		Võ Thị Kim Nương			750.000	0	
99	9	Đặng Thị Hải	2	2	750.000	1.500.000	Tổ 8 Ngô Quyền
		Diệp Kỳ Sơn			750.000	0	
100	10	Phan Thị Ba	5	5	750.000	3.750.000	Tổ 9 Ngô Quyền
		Phan Công Hậu			750.000	0	
		Nguyễn Thị Hợi			750.000	0	
		Phan Ngọc Phương Vy			750.000	0	
		Phan Gia Bảo			750.000	0	
101	11	Hứa Kinh Dũng	8	8	750.000	6.000.000	Tổ 12, Ngô Quyền
		Lâm Thị Kim Xuân			750.000	0	
		Hứa Viết Trọng			750.000	0	
		Hứa Viết Cường			750.000	0	
		Hứa Hoàng Phong			750.000	0	
		Hứa Minh Quân			750.000	0	
		Hứa Nguyễn Minh Hải			750.000	0	
		Hứa Nguyễn Minh Hoàng			750.000	0	
102	12	Nguyễn Minh Cảnh	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 15, Ngô Quyền
		Hoàng Thị Yến			750.000	0	
		Hoàng Thị Kim Loan			750.000	0	
		Nguyễn Minh Tiến			750.000	0	
103	13	Lý Thị Chiến	4	2	750.000	1.500.000	Tổ 18, Ngô Quyền
		Đoàn Bình			750.000	0	
104	14	Huỳnh Minh	5	4	750.000	3.000.000	Tổ 18 ấp Ngô Quyền
		Nguyễn Thị Hoa			750.000	0	
		Huỳnh Thanh Tâm			750.000	0	
		Huỳnh Thanh Thịnh			750.000	0	
105	15	Đào Văn Châu	5	4	750.000	3.000.000	Tổ 18, Ngô Quyền
		Đào Thị Mai Cúc			750.000	0	
		Đào Thị Mai Linh			750.000	0	
		Đào Thị Mai Phương			750.000	0	
106	16	Huỳnh Tấn Đức	5	5	750.000	3.750.000	Tổ 18, Ngô Quyền
		Lê Thị Mỹ Diễm			750.000	0	
		Huỳnh Lê Gia Bảo			750.000	0	
		Huỳnh Lê Gia Huy			750.000	0	
		Huỳnh Lê Bảo Châu			750.000	0	
107	17	Bùi Thiện Tâm	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 20, Ngô Quyền
		Nguyễn Thị Kiều Trang			750.000	0	
		Bùi Quốc Dũng			750.000	0	
		Bùi Gia Nguyễn			750.000	0	

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu u/tháng x3 tháng =750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố, xã)
108	18	Tiêu Thành Tinh	4		0	0	Tổ 4 ấp Lê Lợi
		Đinh Thị Hiền		3	750.000	2.250.000	
		Tiêu Ngọc Bích Phương			750.000	0	
		Tiêu Ngọc Hoàng Diệp			750.000	0	
109	19	Ngô Trường Giang	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 5 Lê Lợi
		Ngô Hoàng Du			750.000	0	
		Ngô Hoàng Long			750.000	0	
		Ngô Thanh Vân			750.000	0	
110	20	Nguyễn Thị Nhuận	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 6 Lê Lợi
		Đàm Hiếu Nghĩa			750.000	0	
		Nguyễn Thị Hải			750.000	0	
		Đoàn Ngọc Trúc My			750.000	0	
111	21	Trần Văn Khương	3	3	750.000	2.250.000	Tổ 7 ấp Lê Lợi
		Nguyễn Thị Sen			750.000	0	
		Trần Văn Huy			750.000	0	
112	22	Nguyễn Trường Sơn	4		0	0	Tổ 8 ấp Lê Lợi
		Đặng Thị Ánh Tuyết		3	750.000	2.250.000	
		Nguyễn Quốc Hưng			750.000	0	
		Nguyễn Trường Hải			750.000	0	
113	23	Nguyễn Văn Dãi	4	4	750.000	3.000.000	Lê Lợi
		Võ Thị Sương			750.000	0	
		Nguyễn Thành Trung			750.000	0	
		Nguyễn Thị Thu Huyền			750.000	0	
114	24	Nguyễn Thị Bình	6	6	750.000	4.500.000	Lê Lợi
		Đinh Trọng Linh			750.000	0	
		Đinh Trọng Lưu			750.000	0	
		Đinh Phạm Quỳnh Anh			750.000	0	
		Phạm Thị Thủy Kiều			750.000	0	
		Đinh Phạm Minh ngọc			750.000	0	
115	25	Nguyễn Văn Quảng	3	3	750.000	2.250.000	Lê Lợi
		Nguyễn Vũ Nhật Trường			750.000	0	
		Nguyễn Vũ Trúc Ly			750.000	0	
		TỔNG CỘNG: 25 HỘ	103	95	71.250.000	71.250.000	
		VI. XÃ GIA KIÊM					
116	1	Trần Quang Hiến	4	4	750.000	3.000.000	53/1E Võ Đông 1
		Nguyễn Thị Thủy Hồng			750.000		53/1E Võ Đông 1
		Trần Ngọc Hoàng			750.000		53/1E Võ Đông 1
		Trần Trung Hiếu			750.000		53/1E Võ Đông 1
117	2	Vũ Tuấn Kiệt	4	4	750.000	3.000.000	106/3G Võ Đông 2
		Nguyễn Thị Kim Anh			750.000		106/3G Võ Đông 2
		Vũ Ngọc Ngân Nhi			750.000		106/3G Võ Đông 2
		Vũ Đại An			750.000		106/3G Võ Đông 2
118	3	Nguyễn Thị Hát	3	3	750.000	2.250.000	Đội 4 Võ Đông 3
		Nguyễn Thị Thanh Thao			750.000		Đội 4 Võ Đông 3
		Nguyễn Ngọc Quỳnh Như			750.000		Đội 4 Võ Đông 3
119	4	Đỗ Thị Yến	5	5	750.000	3.750.000	Ấp Võ Đông 3

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu/tháng x3 tháng =750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố, xã)
		Vũ Văn Thắng			750.000		Ấp Võ Đông 3
		Vũ Thị Xuân Hương			750.000		Ấp Võ Đông 3
		Vũ Hoàng Minh			750.000		Ấp Võ Đông 3
		Trần Thanh Trúc			750.000		Ấp Võ Đông 3
120	5	Nguyễn Hoàng Phi	2	2	750.000	1.500.000	Đội 4 - Tây Nam
		Nguyễn Văn Hiếu			750.000		Đội 4 - Tây Nam
121	6	Nguyễn Thái Long	3	2		1.500.000	Đội 3 Đông Kim
		Trần Thị Hồi			750.000		Đội 3 Đông Kim
		Nguyễn Minh Sơn			750.000		Đội 3 Đông Kim
122	7	Trần Thị Mậu	3	1		750.000	Đội 4 Đông Kim
		Vũ Thành Khởi			750.000		Đội 4 Đông Kim
123	8	Nguyễn Duy Hùng	5	4	750.000	3.000.000	Đội 2 - Ấp Đông Bắc
		Nguyễn Thị Thanh Tươi			750.000		Đội 2 - Ấp Đông Bắc
		Nguyễn Duy Mạnh			750.000		Đội 2 - Ấp Đông Bắc
		Nguyễn Duy Khang			750.000		Đội 2 - Ấp Đông Bắc
		TỔNG CỘNG: 8 HỘ	29	25	18.750.000	18.750.000	
		VII. XÃ GIA TÂN 2					
124	1	Vũ Văn Long	3	3	750.000	2.250.000	Ấp Đức Long 1
		Đinh Thị Cúc			750.000		
		Vũ Thanh An			750.000		
125	2	Nguyễn Thị Sang	3	3	750.000	2.250.000	Ấp Đức Long 1
		Nguyễn Đức Hoàng			750.000		
		Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên			750.000		
126	3	Nguyễn Thị Loan	3	3	750.000	2.250.000	Ấp Đức Long 1
		Vũ Quốc Hiếu			750.000		
		Vũ Quốc Hậu			750.000		
127	4	Nguyễn Văn Tính	4	4	750.000	3.000.000	Ấp Đức Long 1
		Nguyễn Phương Uyên			750.000		
		Nguyễn Uyên Phương			750.000		
		Nguyễn Quang Cao Kỳ			750.000		
128	5	Nguyễn Công Hiến	5	5	750.000	3.750.000	Ấp Đức Long 2
		Nguyễn Thị Tỷ			750.000		
		Nguyễn Thị Tuyết Nhung			750.000		
		Nguyễn Xuân Hiếu			750.000		
		Nguyễn Thị Ngân Thảo			750.000		
129	6	Nguyễn Duy Khanh	6	6	750.000	4.500.000	Ấp Đức Long 2
		Mạc Thùy Trang			750.000		
		Nguyễn Quỳnh Nhi			750.000		
		Nguyễn Phương Uyên			750.000		
		Nguyễn Phương Quỳnh			750.000		
		Nguyễn Anh Đức			750.000		
130	7	Lưu Văn Định	6	6	750.000	4.500.000	Ấp Đức Long 2
		Nguyễn Thị Thắm			750.000		
		Lưu Thị Thao			750.000		
		Lưu Thị Anh Thư			750.000		
		Lưu Quốc Dũng			750.000		

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu/tháng x3 tháng =750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố, xã)
		Lưu Ngọc Bích			750.000		
131	8	Phạm Phú Quý	6	5		3.750.000	Ấp Đức Long 2
		Vũ Thị Mẫu			750.000		
		Phạm Vũ Vinh			750.000		
		Phạm Vũ Quỳnh Trâm			750.000		
		Phạm Vũ Hồng Nhung			750.000		
		Phạm Vũ Văn Hiền			750.000		
132	9	Bùi Trung Hòa	3	3	750.000	2.250.000	Ấp Đức Long 2
		Phạm Thị Tuyết			750.000		
		Bùi Minh Tân			750.000		
133	10	Mai Văn Nghĩa	7	7	750.000	5.250.000	Ấp Đức Long 2
		Tô Thị Tuyết Trinh			750.000		
		Mai Công Thiết			750.000		
		Mai Xuân Tùng			750.000		
		Mai Quỳnh Giang			750.000		
		Mai Thành An			750.000		
		Mai Huỳnh Sơn			750.000		
134	11	Đỗ Ngọc Đông	6	6	750.000	4.500.000	Ấp Đức Long 3
		Đặng Thị Kim Anh			750.000		
		Đỗ Kiều Oanh			750.000		
		Đỗ Hoàng Yến			750.000		
		Đỗ Diễm My			750.000		
		Đỗ Tuyết Thu			750.000		
135	12	Nguyễn Thanh Tú	6	6	750.000	4.500.000	Ấp Đức Long 3
		Trương Thị Ngọc Bích			750.000		
		Nguyễn Mạnh Quỳnh			750.000		
		Nguyễn Thị Quỳnh Trâm			750.000		
		Nguyễn Hoàng Minh			750.000		
		Nguyễn Minh Nhật			750.000		
136	13	Đỗ Thị Thu Hà	4	4	750.000	3.000.000	Ấp Đức Long 3
		Nguyễn Đỗ Phương Anh			750.000		
		Nguyễn Đỗ Thao Vi			750.000		
		Nguyễn Đỗ Khánh An			750.000		
137	14	Nguyễn Quốc Phong	6	6	750.000	4.500.000	Ấp Đức Long 3
		Nguyễn Thị Kim Hằng			750.000		
		Nguyễn Thùy Mai Trâm			750.000		
		Nguyễn Thùy Anh Thư			750.000		
		Nguyễn Quốc Bảo			750.000		
		Nguyễn Tuấn Kiệt			750.000		
138	15	Nguyễn Thị Hằng	4	3	750.000	2.250.000	Ấp Đức Long 3
		Ngô Nguyễn Khánh Ngân			750.000		
		Ngô Quốc Long Vương			750.000		
139	16	Phạm Thanh Bình	7	7	750.000	5.250.000	Ấp Bạch Lâm 1
		Trần Thị Thanh Thủy			750.000		
		Phạm Quang Thái			750.000		
		Phạm Minh Nhật			750.000		

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu/tháng x3 tháng =750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố, xã)
		Phạm Xuân Hưng			750.000		
		Phạm Trần Đức Tài			750.000		
		Phạm Trần Phước Lộc			750.000		
140	17	Nguyễn Thủy Hằng	4	4	750.000	3.000.000	Áp Bạch Lâm 1
		Phạm Đình Trung			750.000		
		Phạm Ngọc Đàm			750.000		
		Phạm Nguyễn Ngọc Trúc			750.000		
141	18	Nguyễn Quyền	4	4	750.000	3.000.000	Áp Bạch Lâm 1
		Phạm Thị Thu Hồng			750.000		
		Nguyễn Ngọc Tố Quyền			750.000		
		Nguyễn Anh Quốc			750.000		
142	19	Nguyễn Thế Hải	6	6	750.000	4.500.000	Áp Bạch Lâm 1
		Nguyễn Thị Bạch Tuyết			750.000		
		Nguyễn Phi Hùng			750.000		
		Nguyễn Tường Vy			750.000		
		Nguyễn Hoàng Thiên Long			750.000		
		Nguyễn Ngọc Bảo Thi			750.000		
143	20	Nguyễn Thị Ngọt	5	5	750.000	3.750.000	Áp Bạch Lâm 2
		Vũ Nguyễn Mạnh Thùy			750.000		
		Vũ Thị Thùy Trang			750.000		
		Vũ Thị Thùy Tiên			750.000		
		Trần Thị Diễm My			750.000		
144	21	Phạm Chí Thắng	4	4	750.000	3.000.000	Áp Bạch Lâm 2
		Vũ Thị Kim Nhung			750.000		
		Phạm Thị Hồng Duyên			750.000		
		Phạm Công Đạt			750.000		
145	22	Trần Thị Hương	4	4	750.000	3.000.000	Áp Bạch Lâm 2
		Vũ Trang Cẩm Ly			750.000		
		Vũ Quang Duy			750.000		
		Vũ Quang Minh			750.000		
146	23	Nguyễn Hoàng Ngân	4	4	750.000	3.000.000	Áp Bạch Lâm 2
		Nguyễn Thị Mỹ Hiền			750.000		
		Nguyễn Ngọc Trà My			750.000		
		Nguyễn Ngọc Linh Phương			750.000		
147	24	Nguyễn Thị Ngọc Ly	3	3	750.000	2.250.000	Áp Bạch Lâm 2
		Dương Ngọc Băng Châu			750.000		
		Dương Ngọc Phương Thủy			750.000		
		Tổng cộng: 24 HỘ	113	111	83.250.000	83.250.000	
		VIII. XÃ HƯNG LỘC					
148	1	Chủ hộ: Nguyễn Văn Nguyên	5	5	750.000	3.750.000	Tổ 2, Hưng Nhơn
		Trần Thị Ý			750.000		
		Nguyễn Thị Thanh Thảo			750.000		
		Nguyễn Thảo Trinh			750.000		
		Nguyễn Thảo Nhi			750.000		
149	2	Chủ hộ: Phạm Thị Gái	4	4	750.000	3.000.000	Tổ 4, Hưng Nghĩa
		Hoàng Bá Dương			750.000		

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu/tháng x3 tháng =750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố, xã)
		Hoàng Thị Ngọc Thủy			750,000		
		Hoàng Thị Thủy Tiên			750,000		
150	3	Chủ hộ: Dương Hồng	8	7		5.250,000	Tổ 4, Hưng Nghĩa
		Trương Thị Gái			750,000		
		Dương Văn Khoa			750,000		
		Dương Thị Mỹ Lan			750,000		
		Dương Thị Nhung			750,000		
		Dương Văn Học			750,000		
		Dương Thị Hằng			750,000		
		Dương Thị Cúc			750,000		
151	4	Chủ hộ: Lê Thị Quyền	3	3	750,000	2.250,000	Hưng Nghĩa
		Huỳnh Thị Linh Nhi			750,000		
		Huỳnh Lê Quy			750,000		
152	5	Chủ hộ: Nguyễn Thị Thắng	4	4	750,000	3.000,000	Tổ 11, Hưng Thanh
		Phan Thị Thanh Lan			750,000		
		Mai Thành Danh			750,000		
		Dương Ngọc Tiên			750,000		
153	6	Chủ hộ: Nông Thị Hoàn (Đặng Hoàng Phong)	4	4	750,000	3.000,000	Tổ 6, Hưng Hiệp
		Đặng Thị Hoàng Yến			750,000		
		Đặng Hoàng Phú			750,000		
		Đặng Duy Phương			750,000		
154	7	Chủ hộ: Phan Văn Dũng	4	4	750,000	3.000,000	Tổ 10, Hưng Hiệp
		Phạm Thị Tuyết Nga			750,000		
		Phan Quốc Tuấn			750,000		
		Phan Quốc Toàn			750,000		
155	8	Chủ hộ: Trương Kim Hoa (Lê Văn Nhiều)	2	2	750,000	1.500,000	Tổ 6, Hưng Hiệp
		Lê Trung Hậu			750,000		
156	9	Chủ hộ: Đoàn Quang Kiến	5	3		2.250,000	Ấp Lô 25
		Lê Thị Loan			750,000		
		Đoàn Quang Thắng			750,000		
		Đoàn Quang Nam			750,000		
157	10	Chủ hộ: Chang Tấn Bình	2	2	750,000	1.500,000	Ấp Lô 25
		Hồ Thị Tuyết Phương			750,000		
158	11	Chủ hộ: Phạm Văn Tuy	5	5	750,000	3.750,000	Ấp Lô 25
		Trần Thị Trúc			750,000		
		Phạm Văn Khang			750,000		
		Phạm Thị Thủy Trang			750,000		
		Phạm Thị Tuyết Nhi			750,000		
159	12	Chủ hộ: Nguyễn Thị Dung	3	3	750,000	2.250,000	Ấp Lô 25
		Bùi Thị Hoàng Diệu			750,000		
		Bùi Diệu Hoàng Oanh			750,000		
160	13	Chủ hộ: Vày Thanh Liên	3	3	750,000	2.250,000	Ấp Lô 25
		Vòng Thị Ngọc Nga			750,000		
		Vòng Hải Toàn			750,000		
161	14	Chủ hộ: Đàm Văn Lợi	5	5	750,000	3.750,000	Ấp Lô 25

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu/tháng x3 tháng =750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố, xã)
		Trương Thị Chi			750,000		
		Đàm Văn Lộc			750,000		
		Đàm Thị Mỹ Lê			750,000		
		Đàm Văn Hiếu			750,000		
162	15	Chủ hộ: Huỳnh Thị Hai	4	3		2.250,000	Ấp Lồ 25
		Trần Thanh Mỹ			750,000		
		Trần Thanh Sơn			750,000		
		Lê Thị Hoài Thu			750,000		
163	16	Chủ hộ: Phạm Thị Thùy Trang	3	3	750,000	2.250,000	Ấp Lồ 25
		Võ Đình Trọng			750,000		
		Võ Thị Thiên Ân			750,000		
164	17	Chủ hộ: Trần Xí	3	3	750,000	2.250,000	Ấp Lồ 25
		Đoàn Thị Vân			750,000		
		Trần Quý			750,000		
165	18	Chủ hộ: Lê Anh Tuấn	5	4	750,000	3.000,000	Ấp Lồ 25
		Dương Thị Oanh			750,000		
		Lê Thị Dung			750,000		
		Lê Anh Hùng			750,000		
166	19	Chủ hộ: Hoàng Thị Chợ	3	2	750,000	1.500,000	Ấp Lồ 25
		Tô Tấn Thịnh			750,000		
167	20	Chủ hộ: Đặng Phước Chung	4	4	750,000	3.000,000	Ấp Lồ 25
		Nguyễn Thị Thắm			750,000		
		Đặng Thị Hồng Ngọc			750,000		
		Đặng Trung Hiếu			750,000		
168	21	Chủ hộ: Nguyễn Trí Hà	6	6	750,000	4.500,000	Ấp Lồ 25
		Nguyễn Thị Trang			750,000		
		Nguyễn Thị Cẩm Tú			750,000		
		Nguyễn Thị Tố Trinh			750,000		
		Nguyễn Thị Tố Như			750,000		
		Nguyễn Trí Nhân			750,000		
169	22	Chủ hộ: Lê Huỳnh	5	4		3.000,000	Ấp 9/4
		Trần Thị Hương			750,000		
		Lê Lý			750,000		
		Lê Quý Hậu			750,000		
		Lê Quý Lộc			750,000		
170	23	Chủ hộ: Trần Thị Năm	2	2	750,000	1.500,000	Ấp 9/4
		Lê Thị Hồng			750,000		
171	24	Chủ hộ: Thổ Đức	5	5	750,000	3.750,000	Ấp 9/4
		Thị Dao			750,000		
		Thổ Thị Tuyết Ny			750,000		
		Thổ Minh Tâm			750,000		
		Ngô Phương Vi			750,000		
172	25	Chủ hộ: Thị Hóa	7	7	750,000	5.250,000	T9.9/4
		Thổ Chánh			750,000		
		Thổ Công			750,000		
		Thổ Thị Tâm			750,000		

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu/tháng x3 tháng =750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố, xã)
		Thỏ Thanh			750,000		
		Thỏ Thị Quyên			750,000		
		Thỏ Thị Ngọc Vy			750,000		
173	26	Chủ hộ: Thị Là	5	5	750,000	3.750,000	9/4
		Trần Đức Kiệt			750,000		
		Trần Ngọc Lam			750,000		
		Trần Đức Hào			750,000		
		Trần Đức Lộc			750,000		
174	27	Chủ hộ: Võ Thị Dương	3	3	750,000	2.250,000	9/4
		Võ Thị Ngọc Phương			750,000		
		Lê Võ Thạch Thảo			750,000		
175	28	Chủ hộ: Nguyễn Văn Nhiều	6	6	750,000	4.500,000	Ấp 9/4
		Nguyễn Thị Mỹ Linh			750,000		
		Nguyễn Đức Mạnh			750,000		
		Nguyễn Đức Minh			750,000		
		Nguyễn Đức Mắm			750,000		
		Nguyễn Đức Mỹ			750,000		
		TỔNG CỘNG: 28 HỘ	118	111	83.250,000	83.250,000	
		IX. XÃ GIA TÂN 1					
176	1	Chủ hộ: Lê Phạm Trung Nghĩa	7	7	750.000	5.250.000	153A/2 Dốc Mờ 1
		Phạm Thị Anh Đào			750.000		
		Lê Phạm Anh Phước			750.000		
		Lê Phạm Quỳnh Như			750.000		
		Lê Phạm Thanh Thịnh			750.000		
		Lê Phạm Quốc Thái			750.000		
		Lê Phạm Thảo Vy			750.000		
177	2	Chủ hộ: Nguyễn Thị Kim Dung	6	6	750.000	4.500.000	285/3 Dốc Mờ 2
		Trần Đình Khánh			750.000		
		Trần Ngọc Yến Nhi			750.000		
		Trần Nguyễn Hoài Thương			750.000		
		Trần Hoài Mộng Thi			750.000		
		Trần Nguyễn Hoàng Thiên			750.000		
178	3	Chủ hộ: Nguyễn Thị Ngọc Thu	4	4	750.000	3.000.000	41/5 Dốc Mờ 3
		Lê Ngọc Kim Thương			750.000		
		Lê Ngọc Bảo Thy			750.000		
		Lê Ngọc Thanh Tâm			750.000		
179	4	Chủ hộ: Vũ Trường Hậu	4	4	750.000	3.000.000	229/4 Dốc Mờ 3
		Nguyễn Thị Thái Hằng			750.000		
		Vũ Ngọc Uyên Nhi			750.000		
		Vũ Nguyễn Bảo Duy			750.000		
180	5	Chủ hộ: Trần Thị Châu Hạnh	4	4	750.000	3.000.000	329/3 Dốc Mờ 2
		Lê Trần Anh Kiệt			750.000		
		Lê Gia Bảo			750.000		
		Lê Hoàng Yến			750.000		
181	6	Chủ hộ: Lâm Văn Hóa	7	7	750.000	5.250.000	270/3 Dốc Mờ 2

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu/tháng x3 tháng =750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố, xã)
		Phạm Thị Phương Dung			750.000		
		Lâm Thị Thủy Vy			750.000		
		Lâm Thị Thủy Vân			750.000		
		Lâm Linh Xuân			750.000		
		Lâm Gia Huy			750.000		
		Lâm Thị Thiên Kim			750.000		
		TỔNG CỘNG: 6 HỘ	32	32	24.000.000	24.000.000	
		IX. XÃ GIA TÂN 3					
182	1	Chủ hộ: Vũ Đức Thành	6	6	750.000	4.500.000	Phúc Nhạc 1
		Trần Thị Ngọc Hoa			750.000		Phúc Nhạc 1
		Vũ Trần Hải Nguyên			750.000		Phúc Nhạc 1
		Vũ Đình Khoa			750.000		Phúc Nhạc 1
		Vũ Trần Trúc Ly			750.000		Phúc Nhạc 1
		Vũ Minh Kiệt			750.000		Phúc Nhạc 1
183	2	Chủ hộ: Nguyễn Quốc Lưu	5	5	750.000	3.750.000	Phúc Nhạc 1
		Nguyễn Thị Thanh Thảo			750.000		Phúc Nhạc 1
		Nguyễn Thanh Tùng			750.000		Phúc Nhạc 1
		Nguyễn Mạnh Cường			750.000		Phúc Nhạc 1
		Nguyễn Hoàng Phương Linh			750.000		Phúc Nhạc 1
184	3	Chủ hộ: Vũ Văn Tiên	5	5	750.000	3.750.000	Phúc Nhạc 1
		Nguyễn Thị Phương Tuyết			750.000		Phúc Nhạc 1
		Nguyễn Vũ Quốc Tuấn			750.000		Phúc Nhạc 1
		Nguyễn Ngọc Anh Thư			750.000		Phúc Nhạc 1
		Vũ Ngọc Tuyết Nhi			750.000		Phúc Nhạc 1
185	4	Chủ hộ: Mai Xuân Thiệp	6	6	750.000	4.500.000	Phúc Nhạc 1
		Phạm Thị Thu Vân			750.000		Phúc Nhạc 1
		Mai Thị Thủy Ngọc			750.000		Phúc Nhạc 1
		Mai Xuân Tiến			750.000		Phúc Nhạc 1
		Mai Kỳ Duyên			750.000		Phúc Nhạc 1
		Mai Kiều Linh			750.000		Phúc Nhạc 1
186	5	Chủ hộ: Đinh Quang Thịnh	5	5	750.000	3.750.000	Phúc Nhạc 1
		Trần Thị Thùy Trang			750.000		Phúc Nhạc 1
		Đinh Quang Vinh			750.000		Phúc Nhạc 1
		Đinh Thủy Vân			750.000		Phúc Nhạc 1
		Đinh Quang Việt			750.000		Phúc Nhạc 1
187	6	Chủ hộ: Lê Thị Kim Sang	5	5	750.000	3.750.000	Phúc Nhạc 1
		Mai Lê Thủy			750.000		Phúc Nhạc 1
		Mai Phương Uyên			750.000		Phúc Nhạc 1
		Mai Quốc Đình			750.000		Phúc Nhạc 1
		Mai Cảnh Đào			750.000		Phúc Nhạc 1
188	7	Chủ hộ: Đoàn Trường Sơn	3	3	750.000	2.250.000	Phúc Nhạc 1
		Đoàn Thị Kim Anh			750.000		Phúc Nhạc 1
		Đoàn Minh Lâm			750.000		Phúc Nhạc 1
189	8	Chủ hộ: Nguyễn Văn Định	3	3	750.000	2.250.000	Phúc Nhạc 2
		Trần Thị Út			750.000		Phúc Nhạc 2
		Nguyễn Thị Kim Lê			750.000		Phúc Nhạc 2

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu/tháng x3 tháng =750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố, xã)
190	9	Chủ hộ: Nguyễn Thanh Hiệp	7	7	750.000	5.250.000	Phúc Nhạc 2
		Nguyễn Thị Lê			750.000		Phúc Nhạc 2
		Nguyễn Ngọc Như Quỳnh			750.000		Phúc Nhạc 2
		Nguyễn Đức Quang			750.000		Phúc Nhạc 2
		Nguyễn Đức Dũng			750.000		Phúc Nhạc 2
		Nguyễn Ngọc Lan			750.000		Phúc Nhạc 2
		Nguyễn Đức Trung			750.000		Phúc Nhạc 2
191	10	Chủ hộ: Phạm Đức Bộ	3	3	750.000	2.250.000	Tân Yên
		Phạm Thị Nga			750.000		Tân Yên
		Phạm Kiêm Tân			750.000		Tân Yên
192	11	Chủ hộ: Đỗ Ngọc Khánh	8	8	750.000	6.000.000	Tân Yên
		Phạm Thị Bích Liên			750.000		Tân Yên
		Đỗ Thị Thanh Phương			750.000		Tân Yên
		Đỗ Thị Thủy			750.000		Tân Yên
		Đỗ Thị Thu			750.000		Tân Yên
		Đỗ Thị Thủy Trang			750.000		Tân Yên
		Đỗ Ngọc Linh			750.000		Tân Yên
		Đỗ Ngọc Huyền			750.000		Tân Yên
193	12	Chủ hộ: Nguyễn Văn Sơn	8	8	750.000	6.000.000	Tân Yên
		Phạm Thị Hương			750.000		Tân Yên
		Nguyễn Thái Lâm			750.000		Tân Yên
		Nguyễn Ngọc Trung			750.000		Tân Yên
		Nguyễn Kim Thủy			750.000		Tân Yên
		Nguyễn Thị Kiều Vân			750.000		Tân Yên
		Nguyễn Thị Thủy Kiều			750.000		Tân Yên
		Nguyễn Kim Ánh Ngọc			750.000		Tân Yên
194	13	Chủ hộ: Phạm Văn Tuấn	5	5	750.000	3.750.000	Tân Yên
		Trần Thị Thanh Hà			750.000		Tân Yên
		Phạm Trần Nguyễn Du			750.000		Tân Yên
		Phạm Chí Thanh			750.000		Tân Yên
		Phạm Thị Nhân			750.000		Tân Yên
195	14	Chủ hộ: Vũ Thanh Tùng	5	5	750.000	3.750.000	Tân Yên
		Phạm Thị Thanh Thảo			750.000		Tân Yên
		Vũ Thanh Thủy Hương			750.000		Tân Yên
		Vũ Thanh Thủy Trâm			750.000		Tân Yên
		Vũ Minh Tú			750.000		Tân Yên
196	15	Chủ hộ: Đinh Tiến Thành	5	5	750.000	3.750.000	Tân Yên
		Ngô Thị Thanh Thủy			750.000		Tân Yên
		Đinh Thị Thủy Trang			750.000		Tân Yên
		Đinh Thủy Vy			750.000		Tân Yên
		Đinh Ngọc Ánh			750.000		Tân Yên
197	16	Chủ hộ: Vũ Văn Kiên	6	6	750.000	4.500.000	Tân Yên
		Phạm Ngọc Huyền			750.000	0	Tân Yên
		Vũ Ngọc Phương Uyên			750.000	0	Tân Yên
		Vũ Hoàng Minh Quân			750.000	0	Tân Yên
		Vũ Ngọc Kim Ngân			750.000	0	Tân Yên

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu/tháng x3 tháng =750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố, xã)
		Vũ Thị Nhi			750.000	0	Tân Yên
198	17	Chủ hộ: Nguyễn Đình Hùng	5	5	750.000	3.750.000	Tân Yên
		Nguyễn Thị Bích Hậu			750.000		Tân Yên
		Nguyễn Thái Anh Sang			750.000		Tân Yên
		Nguyễn Ngọc Hưng			750.000		Tân Yên
		Nguyễn Xuân Đào			750.000		Tân Yên
199	18	Chủ hộ: Đặng Văn Hùng	3	3	750.000	2.250.000	Tân Yên
		Phạm Thị Hoa Thơm			750.000		Tân Yên
		Đặng Thị Ánh Ngọc			750.000		Tân Yên
200	19	Chủ hộ: Nguyễn Viết Hóa	6	6	750.000	4.500.000	Tân Yên
		Tổng Thị Kim Nhung			750.000		Tân Yên
		Nguyễn Tổng Quân			750.000		Tân Yên
		Nguyễn Thị Kim Huyền			750.000		Tân Yên
		Nguyễn Thị Thu Hương			750.000		Tân Yên
		Nguyễn Hoàng Hương Lan			750.000		Tân Yên
201	20	Chủ hộ: Trần Trí Dũng	6	6	750.000	4.500.000	Gia Yên
		Đỗ Thị Mộng Huyền			750.000		Gia Yên
		Trần Thị Quỳnh Như			750.000		Gia Yên
		Trần Quốc Hưng			750.000		Gia Yên
		Trần Ngọc Mỹ Hanh			750.000		Gia Yên
		Trần Quốc Khánh			750.000		Gia Yên
202	21	Chủ hộ: Nguyễn Hùng Cường	4	4	750.000	3.000.000	Gia Yên
		Phạm Thị Ánh Hồng			750.000		Gia Yên
		Nguyễn Đăng Khoa			750.000		Gia Yên
		Nguyễn Đăng Khôi			750.000		Gia Yên
203	22	Chủ hộ: Nguyễn Thị Thanh Tuyết	6	6	750.000	4.500.000	Gia Yên
		Lại Đức Tiến			750.000		Gia Yên
		Lại Quang Minh			750.000		Gia Yên
		Lại Thị Quỳnh Như			750.000		Gia Yên
		Lại Ngọc Huyền Trâm			750.000		Gia Yên
		Lại Ngọc Thảo Vy			750.000		Gia Yên
204	23	Chủ hộ: Nguyễn Văn Viết	5	5	750.000	3.750.000	Gia Yên
		Nguyễn Văn Ván			750.000		Gia Yên
		Nguyễn Văn Vũ			750.000		Gia Yên
		Nguyễn Ngọc Phương Vi			750.000		Gia Yên
		Nguyễn Văn Bàn			750.000		Gia Yên
205	24	Chủ hộ: Phạm Văn Chiến	4	4	750.000	3.000.000	Gia Yên
		Phạm Nguyễn Phương Thảo			750.000		Gia Yên
		Nguyễn Phạm Yến Nhi			750.000		Gia Yên
		Phạm Nguyễn Thùy Trâm			750.000		Gia Yên
206	25	Chủ hộ: Phạm Quang Tuyền	4	4	750.000	3.000.000	Gia Yên
		Trần Thị Lan			750.000		Gia Yên
		Phạm Ngọc Thiên Kim			750.000		Gia Yên
		Phạm Thùy Chi			750.000		Gia Yên
207	26	Chủ hộ: Hoàng Thị Thơm	2	2	750.000	1.500.000	Gia Yên
		Đinh Quang Hải			750.000		Gia Yên

TT hộ toàn huyện	TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu u/tháng x3 tháng =750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú (ghi rõ tên ấp, khu phố, xã)
208	27	Chủ hộ: Phạm Văn Hiếu	4	4	750.000	3.000.000	Gia Yên
		Vũ Thị Hoa			750.000		Gia Yên
		Phạm Minh Tuấn			750.000		Gia Yên
		Phạm Ngọc Thúy Hằng			750.000		Gia Yên
209	28	Chủ hộ: Nguyễn Thị Kim Dun	1	1	750.000	750.000	Gia Yên
		TỔNG CỘNG: 28 HỘ	135	135	101.250.000	101.250.000	
Tổng cộng được hỗ trợ : 209 hộ, 871 khẩu x 750.000đ = 653.250.000đ. <i>Viết bằng chữ: Sáu trăm năm mươi ba triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng./.</i>							



KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hòa Hiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH NGƯỜI THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THỐNG NHẤT

(Kèm theo Quyết định số 1564 QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

Mẫu số 3

TT	ĐƠN VỊ	HỘ NGHÈO			HỘ CẬN NGHÈO			Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ	Mức hỗ trợ: 250.000đồng/khẩu/tháng x3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Số hộ nghèo	Số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu trong hộ nghèo được hỗ trợ	Số hộ cận nghèo	Số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu trong hộ cận nghèo được hỗ trợ				
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 3+6	8	9 = 7x8	10
1	Lộ 25	24	54	42	14	59	57	99	750.000	74.250.000	
2	Xuân Thiện	34	80	65	22	97	89	154	750.000	115.500.000	
3	Quang Trung	35	94	76	32	166	150	226	750.000	169.500.000	
4	Thị Trấn Dầu Giây	47	112	101	22	72	66	167	750.000	125.250.000	
5	Bàu Hàm 2	21	67	52	25	103	95	147	750.000	110.250.000	
6	Gia Kiệm	37	86	61	8	29	25	86	750.000	64.500.000	
7	Gia Tân 2	29	88	59	24	113	111	170	750.000	127.500.000	
8	Hưng Lộc	36	89	83	28	118	111	194	750.000	145.500.000	
9	Gia Tân 1	7	22	20	6	32	32	52	750.000	39.000.000	
10	Gia Tân 3	40	98	94	28	135	135	229	750.000	171.750.000	
TỔNG CỘNG:		310	790	653	209	924	871	1.524		1.143.000.000	



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hòa Hiệp